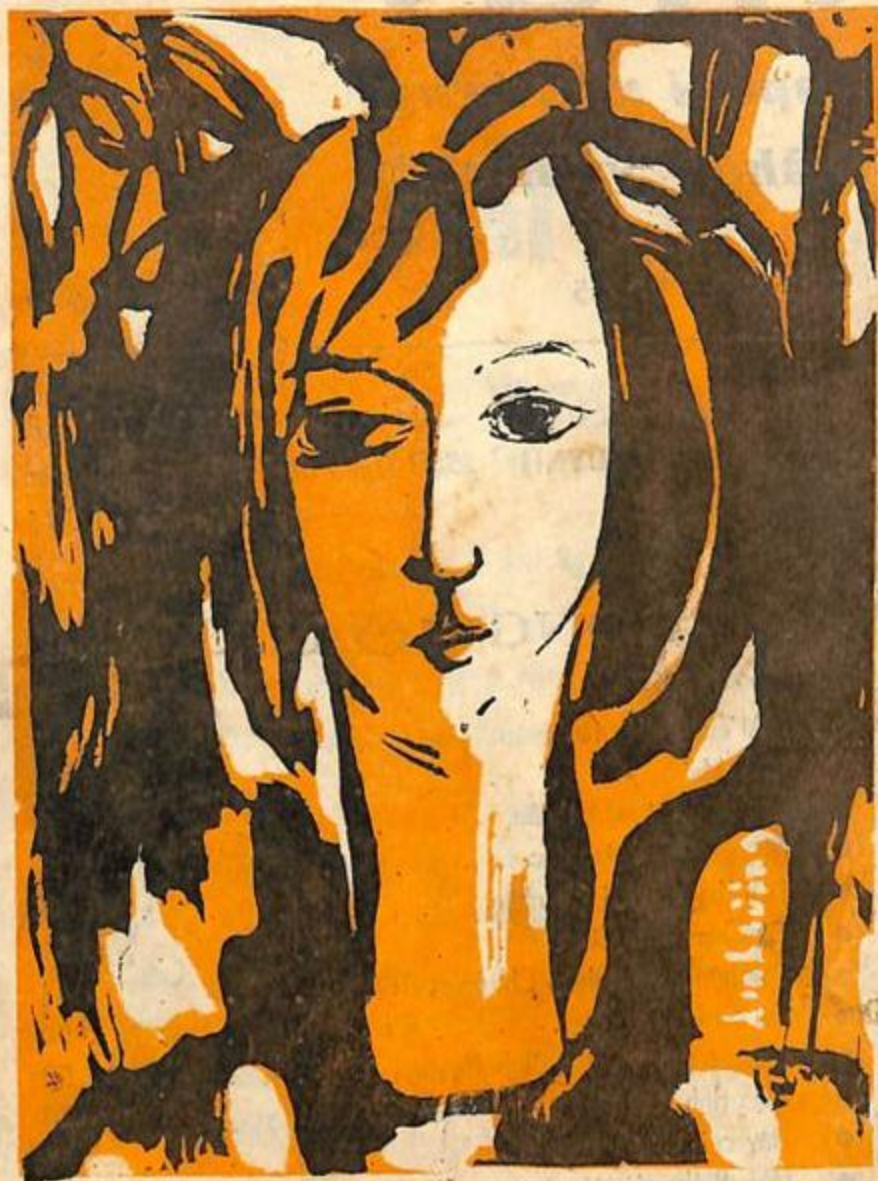


mai

tạp chí xây dựng xã hội văn nghệ



năm thứ V
THÁNG 2-65

3

mai

tạp chí xây dựng xã hội văn nghệ

Số 3 tháng 2-1965

Năm thứ V

CHỦ NHIỆM :

HOÀNG MINH TUYNH

TÒA SOẠN VÀ TRI SỰ

254B Phan đình Phùng — Saigon

Hộp thư : 1.004

TRONG SỐ NÀY

* MAI cung chúc tân xuân.	3
* Hoa Mai.	5
* Hai thế giới mâu thuẫn.	6
* Nhận định về giáo dục.	11
* Đàn bà đối với Cờ nhân.	33
* Tấm bia Cảnh Giáo.	39
* Tùy hứng « Nghiệp Chương »	44
* Cái Sừng Tây Ngưu.	50
* Chiến tranh và Hòa Bình Nguyên Tử.	59
* Hiện tình Kitô giáo tại Ấn độ.	70
* Hãy coi chừng Freud !	76
* Hòa Bình với giá nào	86

MAI

*Nhân buổi xuân về xin trân trọng mượn lời thi sĩ
Tản Đà, khấn cầu Hoàng Thiên chớ để tuyệt diệt
con cháu Hồng Lạc và cho hoa cỏ Việt Thường ngày
đều mới mẻ :*

Hồng Lạc nhi tôn Thiên vị diệt,

Việt Thường hoa thảo nhất câu tân.

Chén rượu đào nâng rót buổi ngày xuân,

Chúc tổ quốc, quốc dân nghìn vạn kỷ.

*Và cũng xin mượn lời Thánh Thi (Ps. 67,2 và
66, 6-7) cung chúc toàn dân nhờ « huệ ngã vô cương »
mà được « hòa bình vĩnh nhạ »:*

**Que Dieu nous prenne en grâce et nous bénisse
faisant luire sur nous sa face !**

**Que notre joie soit en lui, souverain de puis-
sance éternelle !**

HOA MAI

CUỐI năm Giáp Thìn, sau khi đọc hai số 1 và 2 của năm thứ năm, một vị độc giả vô danh viết gửi tặng **MAI** một bài **Hát Nói**, và yêu cầu đăng trên số **Xuân Ất Tỵ**. Mặc dù **MAI** có nghĩa là Ngày Mai của Dân tộc, nhiều vị độc giả vẫn muốn hiểu đó là Hoa Mai, nên cứ mỗi độ Xuân về, lại một vài vị có nhã ý gửi cho đôi bài mừng với nghĩa đó.

Đặc biệt năm nay, vị độc giả vô danh tặng cho **MAI** bài « **Hoa Mai** » có viết thêm mấy câu, chúng tôi xin mạn phép trích đăng sau đây :

« Tặng các ông bài này, tôi biết các ông ngần ngại không muốn nhận, vì cho là những lời khen quá đáng đối với các ông. Song chủ ý tôi không phải là khen các ông, mà nhân đọc hai số báo đầu của năm thứ năm, tôi hiểu đường hướng các ông định theo đuổi, thấy nó đáp ứng lại được phần nào hoài bão của nhiều người trong quốc dân hiện nay, và mong giữa những tro tàn lạnh lẽo của đất nước điêu linh, những đóng góp của các ông sẽ giúp cho con chim bằng phục sinh lại được cao bay cất cánh, *Que l'aigle renaissse de ses cendres !*

Tôi muốn khuyến khích các ông, và muốn gửi các ông bài **Ca trù** này của một tác giả vô danh đề mỗi người trong các ông gắng lấy đó làm nêu mà tiến bước, có lấy đó làm lý tưởng mà noi theo, đừng phụ lòng những người hiện đang đặt niềm tin tưởng nơi các ông. Các ông hãy vui lòng nhận lấy mà không cần cảm ơn ».

Mấy lời gọn, vắn của vị độc giả tri âm đi thẳng vào trái tim của anh em chúng tôi, và chúng tôi không biết nói gì hơn là xin lĩnh ý của ông bạn vô danh nọ.

Lý tưởng của MAI :

HOA MAI

Trăm thứ hoa trong vườn đua nở,
Đã yêu hoa nên biết đủ mùi hoa.
Kìa hoa lan, hoa sen, hoa huệ, hoa trà,
So sánh có hoa mai là đệ nhất (1).
Đã đẹp lại thơm hương cũng ngát,
Màu trong so ngọc trắng nào thua.
Mặn mà thay mọi vẻ mọi ưa,
Tạo hóa khéo điểm tô nên trọn vẹn.
Nắng chẳng ải, mưa chẳng phai, gió chẳng
lay, sương chẳng bén,
Cứ trơ trơ không thẹn một lòng tơ.
Nhị trên cành phong kín lững lơ,
Cao chót vót đợi chờ tri kỷ.
Ướm hỏi khách giai nhân tuyệt mỹ,
Dễ ai mà dám ví cùng mai.
Yêu hoa hồ dễ mấy người.

Và MAI cũng xin trân trọng gửi tặng quý vị độc giả bài thơ
« Hoa Mai » với lời khánh chúc tân xuân nồng nhiệt.

(1) Mai nở cuối Đông, khi ấy chính có khí xuân. Cô Thi :
Thiên hạ vô song phẩm.
Nhân gian đệ nhất chi.
(Phẩm giá vô song trong thiên hạ.
Cảnh hoa đệ nhất chốn nhân gian).

Nhân đọc bài phỏng vấn
về Kibboutz Do - Thái

HAI THẾ GIỚI MÂU THUÃN

HOÀNG QUỐC TẤN (thuật)

Sau khi đọc cuộc phỏng vấn của bạn Nguyễn hữu An nhân buổi gặp gỡ ông Eyssen, đại sứ Do Thái tại Thái Lan, nhân dịp ghé qua Sài gòn, độc giả MAI đã có dịp biết qua về phong trào thanh niên chiến đấu tiên phong Do Thái tại các Kibboutz và cuộc sinh hoạt đang được xúc tiến trong các Kibboutz để đào tạo một lớp thanh niên mới cho nước Israel.

Israel tái lập quốc gia (MAI, số 2, 1-1965) là đầu mối một huyền niệm đối với nhiều người. Đất Thánh ấy hiện nay còn là nơi kiến tạo một tổ quốc theo hai ý thức hệ, giữa hai phe mới cũ tương tranh, giữa những người theo chủ nghĩa mác xít và những người còn đặt tin tưởng tuyệt đối nói Thánh Kinh, giữa những người sinh hoạt trong các Kibboutz và những người sinh hoạt ngoài các Kibboutz.

Hai thế giới, hai loại người sống trên một mảnh đất eo hẹp cách biệt nhau như mặt trăng mặt trời, diễn ra một cảnh tượng tương tranh thực bi thảm.

Một vị giáo sĩ, kiêm giáo sư, linh mục Étienne Charpentier, nguyên cựu sinh viên Institut Biblique de Rome và École Biblique de Jérusalem, từng sống lâu năm tại thủ đô Israel đã ghi lại những cảm tưởng như sau (1):

(1) Etienne Charpentier, *Jeunesse du Vieux Testament*, Ed. Fayard, 1963.

Tôi vừa từ một Kibboutz trở về, sau khi sống ở đó vừa tròn một tháng, gần biên thủy Ai-cập. Một tháng đấu tranh chống bãi sa mạc Negeb, cùng với một trăm năm mươi thanh niên nam nữ, dưới ánh mặt trời gay gắt. Mùa gặt hái năm nay khả quan; nước do một ống dẫn *pipe line* từ miền Bắc dẫn về; một ống khác, lớn hơn, gần hoàn thành. Sau giờ công tác, mọi người tụ hội, gặp gỡ nhau tại một bể bơi, trên một sân cỏ, cha mẹ con cái cùng vui đùa, nhõn nhõ, ai ưa đọc sách, báo thì đã có thư viện xây cất ngay bên. Tối đến có khiêu vũ. Hôm sau, từ 4 giờ sáng, cuộc sinh hoạt lại khởi sự hăng say và vui vẻ.

Mọi người trong Kibboutz đều là đồ đệ trung thành của Karl-Marx. Sách vở thuần của Karl Marx và Lénine.

Tôi vừa từ một Kibboutz trở về và đi qua một khu phố dành riêng cho những người Do Thái ngoan đạo tại Jérusalem.

Tôi thấy khó chịu. Còn ông bạn người Israel của tôi thì xấu hổ. Thay vào những trẻ nhỏ tôi thấy vui đùa nhõn nhõ trước ánh nắng trời, trần truồng dưới những tia nước ống ánh đủ màu sắc của cầu vồng, bày ra trước mắt tôi một đàn trẻ nhỏ xanh xao bần toàn đồ đen, vớ kéo cao lên tới trên đầu gối, giầy uốn tóc tết một vài sợi tóc mai lơ thơ còn sót ở hai bên thái dương càng làm cho khuôn mặt của chúng trở nên xấu xí, phần sọ còn lại, cạo nhẵn thín, như biến dạng dưới cái mũ *calotte* rất đặc biệt. Người lớn thì trịnh trọng trong bộ lễ phục rộng sụng sĩnh, miệng lầm nhảm tụng niệm Thánh Kinh, hoặc nằm dài ra ở giữa đường cái, để cản trở xe hơi qua lại ngày sabbat.

Tất cả đều là những người có tín ngưỡng. Bộ sách duy nhất của họ là Thánh Kinh.

Có người ngoại quốc thốt ra một lời mỉa mai khá độc ác. Tôi thấy khó chịu. Có lẽ khó chịu vì mấy đứa trẻ,

nhưng khó chịu nhiều nhất chính lại vì tôi. Tại Kibboutz, sinh hoạt tràn đầy nhựa sống, duy những người sống trong đó đều là đồ đệ của Karl Marx và quyết tâm xây dựng nước ở thế gian, ở đây thì mọi người đều có tín ngưỡng và chờ đợi nước Đức Chúa Trời xuất hiện, mà thực sự đó chỉ là cái ghetto, xóm riêng của người Do Thái ở.

Tôi cũng là người có tín ngưỡng. Đức Tin của tôi ở với họ. Song lòng tôi thì lại ở với những người đang công tác tại bãi sa mạc Negeb...



Có ai là người trong chúng ta, một ngày nào đó, chẳng cảm thấy trong tâm khảm thăm nhuần Ki tô giáo của mình mỗi xung đột cực gay go giữa cái thế gian tục lụy mà mình luyện ái đến đam mê, và cái tín ngưỡng mà mình tưởng như không thể không từ bỏ phút đi cho rồi? Mỗi lo âu, khoắc khoải của một Teilhard viết ra từ năm 1934 (trong một đoạn văn không nên tách khỏi mạch văn của toàn bộ):

Si, par suite de quelque renversement intérieur, je venais à perdre successivement ma foi au Christ, ma foi en un Dieu personnel, ma foi en l'Esprit, il me semble que je continuerais à croire au Monde...

— Vạn nhất do bởi có sự điên đảo trong tâm tư, không may tôi mất lần đức tin nơi Chúa Kitô, đức tin nơi một Thượng Đế có cá tính, đức tin nơi Thánh Linh, tôi tưởng như tôi sẽ tiếp tục tin ở Thế gian.

Sự nhận chân đích đáng của một Gabriel Marcel :

« Ma conviction la plus intime, la plus inébranlable et si elle est hérétique, tant pis pour l'orthodoxie — c'est, quoi qu'il en

aient dit tant de spirituels et de docteurs, que Dieu ne veut pas nullement être aimé par nous contre le créé, mais glorifié à travers le créé et en partant de lui. Voilà pourquoi tant de livres d'édification me semblent intolérables. Le Dieu dressé contre le créé et en quelque sorte jaloux de ses propres ouvrages n'est à mes yeux qu'une idole. »

— Mỗi xác tín mật thiết nhất, sắt đá nhất của tôi — dù cho mỗi xác tín ấy có lạc đạo, rồi đạo đối với nền đạo thống chẳng nữa — và dù các nhà đạo đức và các vị bác sĩ có nói sao thì nói —, là Thượng Đế không hề muốn đè người ta vì luyện ái Ngài mà phải chống đối lại với những sự vật thụ tạo, Ngài muốn được biểu dương qua sự vật thụ tạo và khởi điểm từ sự vật thụ tạo. Bởi đó, mới phát sinh ra những sách giảng dạy đạo đức mà tôi thấy không thể chịu đựng nổi. Đấng Thượng Đế nổi lên chống cự lại với sự vật thụ tạo và có vẻ như ghen tuông với công trình của mình, trước mắt tôi, chỉ là một thần tượng huyền hoặc.



Nước trên Thiên Quốc, hay nước ở trần gian? Lịch sử tiến bộ hay ghetto khép kín? Tôn chỉ của Chúa Ki-tô hay chủ nghĩa Karl Marx — Lénine?

Người Ki-tô giáo cần phải cùng với Thánh Kinh lớn tiếng bày tỏ cho thế giới biết rằng người ta có thể luyện ái thế gian đến đam mê mà vẫn là người Ki-tô giáo chân chính và đích thực; rằng người ta không thể là tín đồ Ki-tô giáo chân chính và đích thực, khi người ta từ khước hay thoái thác việc xây dựng một thế giới công bình và tốt đẹp hơn, với tất cả năng lực mình có thể sử dụng được. Nếu có thể thu tóm được Thánh Kinh trong một câu, thì câu ấy đại khái sẽ là như sau:

Bởi Thượng Đế luyện ái thể gian, nên Ngài muốn hướng dẫn, điều khiển thể gian quí vào một cru cánh là Chúa Ki-tô. Ngài không hề chệch bỏ, ruồng rẫy thể gian do chính Ngài tạo dựng nên, cho đến nỗi khi cần phải cứu chuộc nó, Ngài không tìm được phương cách nào khác hơn là đích thân mặc lấy xác thịt thể gian.

Ki-tô giáo không phải là một ghetto bế tỏa. Nó là một dân tộc mạnh tiến về một mục đích, đem lại cho lịch sử có một hướng đi, đi tới « một người », vừa là người vừa là Thượng Đế, Chủ tể vạn vật hữu hình và vô hình. Ki-tô giáo là « người ấy » trong bước diễn tiến và triển dương không ngừng cho tới ngày tận thế, là ngày hết mọi phần tử trong thân thể điều huyền bất diệt của « người ấy » đã đạt tới mức thành toàn viên mãn. « Người ấy » là Chúa Kitô toàn bị, le Christ total.

VUI XUÂN

Sách L'Écclésiaste (11 và 12) trong Thánh Kinh bảo chúng ta nên vui với « Xuân nhật tri, xuân quang huy », song đồng thời cũng nhắc ta chớ nên quên Chúa Xuân vẫn khiến cho :

Trời xanh trời cũng khi « già »

Xuân xanh, xanh mãi đâu mà, hỡi ai :

La lumière est douce et il plaît aux yeux de voir le soleil... L'amandier est en fleurs, la sauterelle est repue et le caprier donne son fruit.

Réjouis-toi, jeune homme, dans ta jeunesse et sois heureux aux jours de ton adolescence. Suis les voies de ton cœur et les désirs de tes yeux.

Mais la jeunesse et l'âge des cheveux noirs sont vanité... Et souviens-toi de ton Créateur aux jours de ton adolescence, avant que viennent les mauvais jours dont tu diras : Je ne les aime pas ; et que s'obscureissent le soleil et la lumière, la lune et les étoiles.

— Tân Đà đã nói rõ cái nghĩa ấy trong mấy câu thơ « Vui Xuân » :

Tin xuân đến ngọn cây đào,
Bao cho hoa biết ra chào Chúa xuân.
Mỗi năm xuân đến mỗi lần,
Thiều quang chín chục xoay vần chẳng sai.
Ngày xuân còn mãi không thôi,
Tuổi xuân ai dễ xanh rồi lại xanh ?

NHẬN ĐỊNH

VỀ

GIÁO DỤC

① NHƯƠng SAO

NHẬN định về giáo dục nhiều người đã làm nên có về cũ kỹ. Thật sự trong từng giây phút con người vẫn có những vấn đề mới, những không gian mới cần phải chiếm cứ, chúng tôi muốn nói không gian giá trị trên nấc thang trưởng thành của nhân loại. Đời sống con người càng ngày càng phức tạp. Con người sống làm việc, chiến thắng, thất bại, khổ đau và tạo thành lịch sử. Bao nhiêu vấn đề cấp bách thiết yếu cần phải giải quyết. Hơn thế nữa, giai đoạn này là lúc lịch sử dân tộc trỗi dậy những biến cố, là lúc người dân đứng trước một lối dẫn thân khắt khe là con đường tồn sinh giữa bao nhiêu nghịch cảnh và đảo điên. Giáo dục, hơn bất cứ phạm vi nào, thâm nhập mọi bộ môn sinh hoạt của con người, nên phải được quan niệm lại thấu đáo và cần được đặt trên một căn bản mới. Nhận định thêm về giáo dục để góp phần kiến tạo một nền giáo dục đích thực khai phóng và thăng hoa nhân, như vậy tỏ ra thật là thiết yếu.

Nếu có thực sự tìm được một căn bản cho giáo dục, nếu có đặt đề được vài phương thức để tạo một nền giáo dục đích thực, chúng ta cũng không đứng ở khởi điểm để xây dựng lại từ số không. Hiện tại chúng ta chưa có một nền giáo dục phát triển cao, song chúng ta đã có một nền giáo dục. Tình trạng hiện tại trong giáo dục là có một cái gì hỗn độn và vuu. Nhiều người than phiền trình độ thanh thiếu niên ngày nay và tỏ ý hoài vọng về cái thời vàng son khi liên lạc thầy trò còn được tuyệt đối tôn trọng. Biết bao nhiêu vị nhiều lần hỏi chúng tôi tại sao ngày nay học sinh quá loạn. Riêng chúng tôi, lăm lăm chúng tôi tự hỏi: tại sao có một biến đổi lớn lao trong giáo dục và tình trạng học đường ngày nay là một khủng hoảng tăng trưởng hay là một khủng hoảng suy đồi. Bao nhiêu biến đổi trong học đường những năm tháng gần đây tưởng có thể giúp chúng ta nhận định phần nào tình trạng giáo dục hiện tại. Chúng ta chưa có đủ

yếu tố để kết luận tình trạng hiện tại là một dấu hiệu tăng trưởng hay là một dấu hiệu suy đồi. Có một điều chắn chắn nhất là hiện tại học đường bị rất nhiều người than phiền. Trừ những thanh thiếu niên học hành đôi chút và ra làm ăn vì hoàn cảnh gia đình, những thanh thiếu niên được học hành tương đối đầy đủ và đến nơi đến chốn có thể tạo nên một bộ mặt diện hình của thanh thiếu niên ta ngày nay. Họ đang làm gì? Quan sát có thể cho chúng ta nhận thấy có hạng thanh thiếu niên có một chí hướng, lo học hành và có thích nghi mình với xã hội, có hạng lo học hành chút đỉnh song đề phần lớn thì giờ lưu lạc qua các cảm giác khoái lạc mà xã hội tiến bộ kỹ thuật ngày nay cung cấp, có hạng chỉ học để có phương tiện mưu sinh, ngoài ra không cần tỏ ra thích nghi mình với hoàn cảnh hoặc không cho vấn đề nhân sinh một tầm quan trọng hơn phạm vi mà mình chuyên môn phạm vi này có nên chỉ đóng một vai trò tương đối

quan trọng trong công cuộc phát triển một cá nhân cho đều hòa và toàn vẹn. Nói chung, với một mô kiến thức chuyên môn ít ỏi và không hấp thụ thấu đáo, với một thái độ xử thế vụng về, với một thiếu sót khả năng để nhận định cuộc đời và tổng hợp những vấn đề nhân sinh, với một thiếu sót phương pháp cộng tác, và với một ý thức thô sơ về tập đoàn, người thanh thiếu niên V. N. hiện đại sẽ đưa đất nước về đâu? Một khi chúng ta đã rút lui vào hậu trường để cho thế hệ mới mẻ mà chúng ta đang nói tới này ra đảm nhiệm vai trò duy trì và kiến tạo xã hội, người thanh niên miền Nam này lấy gì để chống cộng, lấy ý thức sống nào để đối chọi ý thức nhân sinh Cộng sản, làm sao để đứng vững trước cơn phong ba của cuộc đời? Những kiến thức nhà trường trao phó cho chỉ là một dăm bông mà đời sẽ thổi tung ngay tức khắc nếu không biết lợi dụng nó như một

khởi điểm để dẫn thân, và thành bại sau này chỉ là nỗ lực cá nhân. Những câu hỏi trên, chúng tôi tin, không nhiều thì ít, đã làm lẫn khiến những người có tâm huyết với vận mệnh đất nước này và biết vai trò quan trọng của thanh niên, thắc mắc và lấy làm ưu phiền uất ức. Tình trạng hiện tại là một thảm trạng nếu cứ kéo dài. Giáo dục hiện tại chỉ có thể đóng góp vào thành tiến cá nhân và xã hội khi nào chúng ta biết phải bắt đầu từ đâu. Như chúng tôi vừa nói, chúng ta không bắt đầu lại từ khởi điểm. Hiện tại chúng ta phải bắt đầu từ một tình trạng vá vúi hỗn độn. Một công việc khó khăn chẳng những cho nhà giáo dục mà còn cho tất cả mọi người. Phải biết những cái nào đã có mà hư hỏng, những cái nào chưa có và những cái nào cần có mà chưa có. Như vậy cần phải tìm hiểu nguyên nhân đa diện của những khủng hoảng giáo dục hiện tại.

Cuộc khủng hoảng giáo dục

Khủng hoảng thời bây giờ gần như một cái dịch úp chụp lên mọi phạm vi. Khủng hoảng giáo dục xảy ra theo một nhịp đồng đều với những khủng hoảng thuộc phạm vi khác. Giáo dục một khi bị khủng hoảng, vì tầm quan trọng của nó cả trong hiện tại và tương lai, sẽ mang lấy hậu quả trầm trọng nhất. Nhiều người đã cho rằng có khủng hoảng là vì trong hiện tại tương quan thầy trò không được tôn trọng hay bị đổ vỡ. Ngày xưa tương quan thầy trò là liên hệ cha con trong gia đình. Ông thầy như cha và có khi hơn cả cha nữa, có thể sai khiến học trò đủ chuyện, bắt học, trừng phạt, thưởng thưởng, la mắng đều chỉ có một chiều xuôi. Ngày nay tương quan ấy theo biến chuyển đã mất và để thay thế chúng ta chưa tạo một liên hệ mới và nếu ở giai đoạn chuyển tiếp khủng hoảng chưa xảy ra là vì chưa có môi trường thích hợp cho sự đổ

vỡ. Đến lúc này nhất là sau những tháng vừa qua thì hoàn cảnh đã thuận tiện nhất cho sự đổ vỡ.

Nguyên nhân cuộc khủng hoảng

Nhận xét trên dù xác đáng chỉ giải thích được một khủng hoảng giai đoạn của học đường chứ không phải của giáo dục. Khủng hoảng chúng tôi nói đây là một tình trạng hỗn loạn trong những phạm vi sinh hoạt nhân văn. Vì giáo dục bao gồm mọi phạm vi sinh hoạt nhằm thăng tiến con người cho khác lúc khởi điểm, khủng hoảng ngày nay thật là trầm trọng và nguyên nhân của nó chính là con người hiện đại không có ý thức cộng đồng đúng mức, không đủ can đảm đề chấp nhận địa vị hiện tại của mình trên con đường tiến bộ đạo đức, thiếu khả năng cộng tác, thiếu khả năng triệu tập, chưa biết hướng chiều như sinh hoạt vốn hỗn loạn của mình thành một dòng lịch sử rộng lớn. Con người Việt Nam

Trở Nên Một Người

Nhiều người thời đại chúng ta biết thế nào là Người tối sơ, hay người Tây phương, hay người kỹ nguyên kỹ nghệ, hay Người tội ác, hay Người tư sản, hay Người vô sản, song khi nghe nói đến Người thì lại không hiểu nói đến Người là có nghĩa làm sao.

Hiền nhiên việc giáo dục không phải việc đào luyện người trầu tượng của Platon, mà đào luyện một đứa trẻ nhất định nào, thuộc một quốc gia nào, ở môi trường xã hội nào, trong một thời đại nào đó của lịch sử. Dầu thế, trước khi là một đứa trẻ của thế kỷ thứ hai mươi, một đứa trẻ ở châu Mỹ hay châu Âu, một đứa trẻ thông minh hay đần độn, đứa trẻ ấy là một đứa trẻ của người. Trước khi là một người văn minh, tôi là một người. Vả chăng, theo một câu nói sâu sắc không phải của Nietzsche và của Pindare, nếu thực bốn phận đầu tiên của chúng ta là phải trở nên chúng ta một cách chân chất đích thực, không có gì quan trọng hơn cho mỗi người chúng ta và cũng không có gì khó khăn hơn, là trở nên một người. Vậy nên việc chính yếu của giáo dục trước hết là việc đào luyện người hay đúng hơn hướng dẫn người tích cực đào luyện tư cách để trở nên một người.

Jacques Maritain

(Pour une philosophie de l'Education)

hiện đại còn lo nhiều cho phát triển cá nhân mà không hoặc ít nghĩ rằng mình chỉ tồn tại và phát triển trong tập thể. Từ khởi điểm đến giờ đạo đức con người chưa tiến mấy. Con người chưa thể cộng tác ồn thỏa với nhau để mưu cầu công ích. Con người chưa biết triệu tập mọi khả năng quốc gia để đạt đến phú cường chung, trái lại chỉ biết lo cho cá nhân mình, để mọi khả năng tản mạn. Những sinh hoạt của con người cũng vậy, chưa theo một chiều hướng chung để tạo thành dòng ý thức trôi chảy hay truyền thống nhân sinh làm gia tài cho những thế hệ đi sau. Đó là những nguyên nhân chính khiến người thanh niên thiếu hẳn khả năng và mất hẳn tin tưởng trên bước đường thụ nhận một quan niệm nhân sinh, rèn luyện cho mình một căn bản đạo đức và góp công xây dựng xã hội. Trên con đường đi đến trưởng thành người thanh niên gặp phải những hỗn loạn và vì chưa đủ sức để tổng hợp và vượt lên trên, nên đã trở nên loạn tâm. Hơn thế

nữa, gia đình là nền tảng của quốc gia đã không còn là tiếng gọi âm ập, không còn là tổ ấm, không còn là nơi dung thân cho thanh thiếu niên đã chứng kiến quá nhiều đảo điên. Bởi vì trong gia đình người lớn vì nhiều nguyên nhân đã để con cái vượt khỏi tầm tay giáo dục của mình. Người thanh niên còn thấy ở thành phần gọi là trí thức « những người anh hùng thất mệ », nói khác, những người đã tạo được một khởi điểm nhưng chưa lên đường mà đã thấy mệt, lo hưởng thụ và đấu khẩu nhau vì chút hư danh. Người thanh niên ở trong một tình thế chơi vơi : những thần tượng cũ bị đập đổ, nhưng thần tượng mới đã thất mệ, tiếng còi tập trung chưa bao giờ thấy vang lên, con đường tương lai còn mờ mịt, bản thân còn vụng về để xử dụng tự do.

Một cuộc cải tổ

Tình trạng khủng hoảng giáo dục trên đây và những nguyên nhân của nó đã khiến công việc cải tổ giáo dục hiện tại thật khó

khăn. Đồng thời cũng chính thực trạng này giúp thanh thiếu niên trưởng thành trong những hoàn cảnh khắt khe có một cái nhìn sắc bén về cuộc sống và xã hội. Chúng ta có thể có bốn điều kiện để thực hiện công cuộc giáo dục thế hệ đang lên ngày nay :

1) Một hiểu biết thấu đáo về hiện trạng giáo dục và các nguyên nhân mà chúng tôi vừa trình bày qua.

1) Một quan niệm đúng đắn về con người và xã hội.

3) Một quan niệm thấu đáo về vai trò giáo dục.

4) Một đường lối giáo dục ở trường và ngoài xã hội.

Con người và xã hội

Giáo dục bao hàm sửa đổi cải huấn, nhưng sửa đổi cái gì và cải huấn ai ? Đối tượng của giáo dục là con người. Mọi hoạt động và mọi công việc đều phải vì con người. Nhưng con người chỉ có thể quan niệm sống với những kẻ khác. Con người hẻo

tàn khi sống cô đơn một mình. Ngay cả người sống ẩn dật cũng đặt một tương quan thiết yếu giữa mình và xã hội đồng thời. Một người có thể sống một mình, nhưng đây không phải là một hiện hữu đích thực có ý nghĩa, bởi vì con người không phải sinh ra để chỉ sống vu vơ vô mục đích, mà sống một mình, con người sẽ không bao giờ đạt đến trình độ trưởng thành sinh vật tập đoàn. Cá nhân và xã hội không thể tách rời nhau. Xã hội do cá nhân lập thành và cá nhân chỉ có ý nghĩa khi nó đóng vai trò một đơn vị xã hội. Con người là gì và tại sao nó xuất hiện ra ở đời ? Xã hội có mặt với mục đích gì và giúp đỡ gì cho cá nhân ? Chúng ta cần phải nhận xét dù thô sơ, về con người và xã hội để làm khởi điểm đi tìm một căn bản mới cho giáo dục. Trên nấc thang động vật con người chiếm hàng đầu. Điều này khoa học đã chứng tỏ căn cứ vào khả năng trí

tuệ và tính cách phức tạp của các cơ năng trong con người. Con người sống và sống rất phức tạp. Giống các sinh động vật, con người có sinh hoạt sinh lý song phức tạp hơn. Hơn mọi loài vật, con người có sinh hoạt tâm lý: hi, nộ, ái, ố, dục với ức vận biến thái của thất tình. Còn hơn mọi sinh động vật con người có sinh hoạt trí tuệ: tìm hiểu, phán đoán, phân biệt, lựa chọn và lợi dụng hoàn cảnh thiên nhiên. Hơn loài vật, con người tìm hiểu vận mệnh mình và biến cải cho nó tốt đẹp. Hơn loài vật, con người sống thành đoàn thể có tổ chức và lễ luật, và biết đưa đoàn thể đến một bến bờ. Như loài vật, con người có sinh hoạt bản năng song biết chế ngự bản năng và tạo một sinh hoạt mới là sinh hoạt tiềm thức. Con người như vậy được qui định bởi những yếu tố sau đây:

1) Sống phong phú với các thứ sinh hoạt sinh lý, tâm lý, trí tuệ, bản năng, tiềm thức.

2) Nỗ lực thăng tiến bản thân.

3) Tinh thần sống chung và hợp tác cao cấp nhất.

4) Nỗ lực thăng tiến đoàn thể. Trên nấc thang động vật chúng ta thấy có loài vật chỉ có sinh hoạt sinh lý giản dị hay phức tạp và thuần túy, có loài vừa có cả sinh hoạt sinh lý và bản năng, có loài cao hơn còn có thêm năng khiếu đặc biệt giống nơi người. Cuối cùng là con người và nơi con người cũng có nhiều mức độ và con người luôn mơ về một chân trời cho mình và cho đoàn thể. Mơ tả này chứng tỏ có một chiều hướng tăng tiến trong thế giới sinh động vật mà con người dẫn đầu và con người không phải sinh ra để đứng lại một chỗ quanh quẩn với những sinh hoạt hằng ngày mà chính còn đề tiến hướng đến một chân trời, và những sinh hoạt hằng ngày nếu có tầm thường cũng không cho phép chúng ta kết luận con người chỉ cần sống với những

Người: một động vật có lịch sử

Người không chỉ là một động vật trong thiên nhiên như cầm thú. Người còn là một động vật có văn hóa và thuộc loại sẽ di tồn tại được là nhờ sống trong xã hội có khai minh rạn rở, người là một động vật có lịch sử, do đây có rất nhiều hình thức biểu hiện văn hóa và đạo thống khiến cho nhân loại có nhiều sắc thái dị đồng; và cũng do đây việc giáo dục là việc tối ư quan trọng. Bởi có khả năng hiểu biết không chừng hạn, nhưng lại phải hiểu biết lần lần từng chút, người chỉ có thể tiến phát, về mặt sinh hoạt trí thức và đạo đức đặc thù, nếu được những thế hệ trước biết đem kinh nghiệm chung đã tích lũy và bảo tồn mà hỗ trợ cho cùng lưu truyền đều đặn cho những kiến thức đã thấu nhận được ngày trước. Để có được tự do mà định đoạt lấy vận mệnh — và vì tự do ấy là lẽ sống của mình, người cần có một kỷ luật và một truyền thống, kỷ luật và truyền thống vừa đè nặng trên mình mà vừa hỗ sức cho mình, để cho mình có khả năng tranh đấu chống lại chúng; tranh đấu như vậy, truyền thống sẽ trở nên phong phú hơn và khi trở nên phong phú hơn, nó lại có thể làm phát sinh ra những cuộc tranh đấu mới, cứ thế tiếp tục mãi.

Jacques Maritain

sinh hoạt ấy, trái lại chúng là những hạt trong xâu chuỗi những sinh hoạt có mục đích của con người và chúng phụng sự cho một quá trình viên thành con người toàn diện.

Có một dòng sống nhiệm mầu bắt lấy hình thể đề tự biểu lộ, trôi chảy từ những hình thức thô sơ nhất đến những hình thức tinh vi nhất. Con người là chóp đỉnh của thể giới sinh động vật và mang những khả năng tinh vi tể nhị đề diễn tả trọn vẹn đầy đủ nhất sức sống trôi chảy kia và tiến hướng về một bến bờ. Nhưng con người không thực hiện công cuộc trưởng thành tự thân một mình. Con người sống với những người khác. Những tương quan giữa ta và tha nhân rất phức tạp. Có một sự dung thông uyển chuyển và một tác dụng hỗ tương giữa các cá nhân trong xã hội, nhờ vậy con người xây dựng cho nhau. Dưới con mắt của nhà xã hội học, đời người được dùng để làm hai công việc song song mật thiết là khai mở

cá nhân và phát triển tập đoàn. Dưới cái nhìn của nhà thơ và triết học, con người giữ vai trò quan trọng trong tình cảm của nhau và con người vừa hiện hữu nơi mình và nơi kẻ khác. Các nhà khoa học cũng nhận thấy có một hiện cộng sinh nơi con người. Công việc sống chung là bản chất của sinh hoạt loài người. Tha nhân là phương tiện cho mình song là phương tiện quá thiết yếu đến nỗi nó trở thành bản chất hay là chính mình. Trong nhiều xã hội sự tồn vong của đoàn thể được xem trọng hơn cá nhân. Ngày nay nói đến con người, ta nghĩ ngay đến xã hội người. Cá nhân bị xóa nhòa đến một giới hạn. Nguyên tắc tổ chức xã hội là đặt đoàn thể lên trên cá nhân và con người càng ngày càng ngày nỗ lực đề duy trì xã hội, phát triển tập đoàn, cải tiến xã hội và có tham vọng đem lại tình yêu hạnh phúc tuyệt đối cho nhân loại, bởi vì xã hội là nơi cung thân dù không được êm ấm cho lắm song rất vững bền cho con người. Ngày nay quê hương loài người không

nằm trong một thời gian không gian nhất định mà chính là nơi nào và lúc nào con người gặp mặt nhau với đầy đủ nghĩa tương thân.

Những nhận định trên có thể cho phép chúng ta kết luận rằng con người là một sinh vật cao cấp có tâm linh sống theo một chiều hướng thượng với mục đích viên thành nhân cách mình trong khuôn khổ tập đoàn. Đấng xa kia, mục tiêu cho mọi nỗ lực của con người là chân trời thăng hoa nhân loại. Nhưng con người không thực hiện công trình trường cửu này với những hành trang mang theo lúc ra đời. Con người vừa đi vừa thu nhặt, vừa sống vừa trưởng thành, vừa học hỏi vừa va chạm. Với hành trang lúc ban đầu con người chưa thể khởi hành và lúc có thể khởi hành cũng không thể đi một mình. Con người cần phải được chuẩn bị, đứa trẻ cần phải được chuẩn bị để ra đời. Lúc thực hiện cuộc hành trình đứa trẻ cần phải hấp thụ phương pháp. Lúc lên đường nó cũng cần đi chung với kẻ

khác. Công việc này được trao phó cho giáo dục và những nhận định trên đây của chúng tôi nhằm đi tìm một căn bản cho giáo dục.

Vai trò giáo dục

Từ xưa ở Cồ Hy Lạp người ta cho phép trẻ con tự mưu sinh bằng cách ăn cắp ở các vườn cây, song nếu bị bắt chúng phải chịu trách nhiệm lấy hành vi của chúng, vì vậy chúng phải xoay xở để tránh bị bắt, nếu không chúng phải đòn thân bào chữa cho hành động mình. Ngay từ thời ấy người ta đã quan niệm giáo dục là tạo ra môi trường thử thách để đứa trẻ trưởng thành. Căn bản giáo dục là con người sống trong xã hội luôn vươn đạt đến một trạng thái viên thành cho mình và tạo ra một truyền thống tinh thần cho một cộng đồng cũng luôn vươn đến một cứu cánh. Từ căn bản này tổ chức giáo dục không chỉ hạn hẹp trong công việc lưu truyền một di sản và trẻ con chỉ thụ

nhận. Trong giáo dục không có vấn đề thụ phong. Giáo dục đích thực không cho mà chỉ đánh thức. Trẻ con không chỉ học một mớ chữ, chúng không chỉ học ở nhà trường, chúng cũng không chỉ học để hành một nghề nào. Tất cả những thứ ấy dĩ nhiên chúng phải học. Song còn những cái quan trọng hơn gấp bội chúng phải học: học thích nghi với hoàn cảnh, học cách duy trì tương quan đúng mức với tha nhân, học chọn lựa một thái độ, một con đường, một cách thức, học một cách đánh giá sự vật đúng mức, học cách đặt hành động đúng thời điểm, học cách quyết định lấy một mình và nhất là học cách dẫn thân vào muôn vạn hình thức sinh hoạt và tổng hợp được nét đại cương của mọi hình thái sống ở đời. Giáo dục đích thực chuẩn bị cho trẻ con ra dương đầu với đời, huấn luyện chúng để sau này ra đời biết áp dụng nguyên tắc vào từng trường hợp cá biệt. Giáo dục đánh thức những khả năng sống nơi đứa trẻ. Đứa trẻ

phải tìm hiểu mình và có ý thức tập đoàn, ý thức rằng mọi sinh hoạt của mình phải đưa mình và xã hội đến một cứu cánh nào. Giáo dục giúp đứa trẻ thực hiện một công việc song phương là thăng tiến cá nhân và thăng tiến tập đoàn.

Từ căn bản trên học đường phải tổ chức ít nhất thành ba ngành sinh hoạt:

1) Ngành giáo dục sinh hoạt trí tuệ có mục đích tìm hiểu thiên nhiên, vật chất, sinh vật, động vật, và những hiện tượng sinh sống hợp tác.

2) Ngành giáo dục sinh hoạt tâm lý tình cảm thực nghiệm nhằm đưa ra những nguyên tắc hướng dẫn cho những sinh hoạt tâm lý tình cảm để có một sự phát triển đều hòa và tình thương nơi mỗi con người.

3) Ngành giáo dục sinh hoạt nhân sinh tổng hợp nhằm mục đích giúp con người liên kết mọi hiện tượng sống, khám phá ra vai trò của các

Hai quan niệm về giáo dục.

Quan niệm thuần túy khoa học thì theo cái phương pháp học rất chính xác của nó, cũng như tất cả những quan niệm đã được cải bỏ theo đúng tinh thần khoa học thực nghiệm, cố tìm cách gạt bỏ hết mọi nội dung có tính chất ít nhiều liên hệ tới khoa học khảo sát thực thể, bản thể (siêu hình) của sự vật, cốt sao cho quan niệm ấy có thể hoàn toàn dùng kinh nghiệm giác quan mà chứng xác được. Về điểm này, đề xướng của các nhà khoa học thuộc học phái tân thực nghiệm của thủ đô Vienne thực có lý hoàn toàn. Quan niệm thuần túy khoa học về người chỉ nhằm kết liên lại với nhau những dữ kiện coi như có thể đo lường và quan sát được đứt khoát ngay từ nguyên tắc không lưu ý tới những gì như thực thể, bản thể (siêu hình) và không đáp lại những câu hỏi như : có linh hồn hay không ? có tinh thần không hay chỉ có vật chất ? Phải tin có tự do hay định mệnh ? Sự vật do ngẫu nhiên mà có hay đã qui phụ về cứu cánh tiền định ? Vì những câu hỏi ấy vượt quá phạm vi của khoa học. Quan niệm thuần túy khoa học về người là một quan niệm, phải là một quan niệm căn cứ hoàn toàn vào hiện tượng giới, không cần qui chiếu vào thực thể, bản thể (siêu hình) tối hậu.

Quan niệm triết lý và tôn giáo về người, trái lại, là một quan niệm căn cứ vào thực thể, bản thể luận (siêu hình). Quan niệm này không thể chứng xác hoàn toàn bằng kinh nghiệm, mặc dù nó có những tiêu chuẩn và chứng cứ đặc biệt của nó ; nó nhằm khảo sát đặc tính uyên nguyên và nội tại cùng mật độ, khả năng trừu tượng của cái vật mang tên là người.

Jacques Maritain

môn học đối với đời người và tổng hợp được một chiều hướng sống đề con người biết quy tụ các sinh hoạt về một chủ điểm.

Đứa trẻ học ở nhà trường sẽ tự tạo cho mình một khởi điểm và những phương thức đề khi rời trường tự hoàn thành nỗ lực của mình, có thể tự giáo dục lấy mình và đạt được cứu cánh. Song song với một kiến thức chuyên môn đứa trẻ cũng có một kiến thức tổng quát. Nó học đủ mọi bộ môn và chính nó phải tổng hợp những vai trò của các bộ môn ấy trong đời sống. Giáo dục như vậy thâm nhập mọi bộ môn. Con người khác loài vật ở những sinh hoạt tâm linh và trí tuệ. Nhưng đó là những dị biệt bẩm sinh. Con người chưa chứng tỏ giá trị mình bằng nỗ lực. Giáo dục là một giá trị vĩ đại mà con người tự tạo lấy cho mình. Giáo dục là một nỗ lực thăng tiến của con người. Giáo dục biến đổi hẳn

bộ mặt đời người và đời hẳn vận mệnh con người. Vì vậy giáo dục phải thâm nhập mọi bộ môn chính con người học hỏi và trưởng thành trong khi đi vào mọi phạm vi sinh hoạt. Giáo dục không phải là một ngành sinh hoạt, nó là chiều hướng sống chính yếu và cao cả nhất của con người và văn hóa chính là thành quả của giáo dục. Đào Duy Anh trong Việt Nam Văn Hóa Sử Cương định nghĩa «văn hóa chẳng qua là đề chỉ mọi phạm vi sinh hoạt con người» ! Chúng tôi xin mạn phép quảng diễn thêm lời định nghĩa ấy. Văn hóa là tinh hoa của một nỗ lực lớn lao trong nhiều bộ môn sinh hoạt của con người nhằm thăng hoa nhân loại. Nhưng văn hóa chỉ là một phần trong hai thành quả của giáo dục. Phần thứ nhất ngoại tại, thành văn có thể mô tả, đó là văn hóa. Có một phần khác nội tại trong con người, không nắm bắt được, không mô tả được, bất thành văn và không thể gọi là văn hóa vì không thể liệt kê, phần này là sự

trưởng thành tự thân ở một cá nhân, là vẻ sáng trong tâm hồn mỗi cá nhân, là sự già giặn viên thành của một thứ nhân cách sau bao nhiêu thời gian lăn lóc và chạm. Nói khác đi, giáo dục đã đem lại một giá trị, một thực thể cho con người mà hai phần trên là hai bộ mặt. Chúng xác nhận mục đích cao cả và nền tảng của giáo dục.

Một đường lối giáo dục

Những nhận định trên đây của chúng tôi nhằm đi tìm một căn bản cho giáo dục và một nền giáo dục đích thực. Tuy nhiên, như chúng tôi vừa nói, chúng ta không bắt đầu ở khởi điểm. Hiện tại chúng ta có một nền giáo dục ở trong một tình trạng khó cải cách. Viên tượng giáo dục cần phải đặt ra như chân trời. Nhưng công cuộc cải cách giáo dục còn phải căn cứ trên thực tại. Ở trường chỉ có dạy chữ mà không dạy sống. Học đường bị rối loạn và thanh thiếu niên mất tin tưởng, lưu lạc. Đó là những thực tại.

Công việc cải tổ là của bộ Quốc gia Giáo dục và của chính phủ. Chúng tôi không dám hồ đồ, chỉ xin nêu lên ở đây vài đề nghị thô thiển. Nhưng tình trạng cần cải cách có thể tóm tắt trong những điểm sau :

1) Một tình trạng thiếu ý thức sống trong phần đông dân chúng đã trưởng thành sinh lý và hậu quả là giáo dục gia đình thiếu sót.

2) Thanh thiếu niên bơ vơ mất tin tưởng, thiếu sót một ý thức sống, hậu quả là sự gây đồ liên hệ thầy trò và thể hệ này sợ sệt đoàn thể giáo dục.

3) Một phạm vi hoạt động bị hạn hẹp của giáo dục mà hậu quả là tác dụng giáo dục bị rút xuống mức tối thiểu.

Tỉ số những người trưởng thành sinh lý và hấp thụ giáo dục thiếu đão đẽ có thể có một ý thức sáng suốt về đời sống và xã hội theo bảng thống kê của bộ Quốc gia Giáo dục cuối năm 1963 là 15,4%. Cách đây 10 năm tỉ số ấy rất ít. Số

người còn lại vì thiếu phương pháp tối thiểu đã không lập liên hệ đúng mức giữa mình và xã hội. Nếu có đôi chút phương pháp hay tự tìm tòi ra phương pháp thì cũng vì bận sinh kế mà thất bại trong việc đặt định tương quan giữa cá nhân và xã hội. Ngay cả những người nằm trong tỉ số 15,4 phần trăm thì cũng vì bận sinh kế hay vì yếm thế mà sống đời có phương hại cho phát triển tập đoàn. Sau khi cộng trừ nhân chia, lọc đi lọc lại, số người đủ điều kiện để có một ý thức về đời sống và xã hội rất là ít ỏi. Ở Tây phương tỉ số những người đủ điều kiện để lập liên hệ đúng mức giữa gia đình và xã hội rất là cao. Kết quả là có nhiều người dù bất đồng chính kiến với đảng đối lập và bị gạt ra ngoài guồng máy chính phủ cũng vẫn duy trì mức sống của mình trong xã hội như cũ và năng suất tham gia vào các công tác xã hội vẫn không sút kém. Ở nước ta vì không đặt liên hệ cá

nhân xã hội đúng mức nên mỗi khi bắt buộc chỉ hay bị gạt ra khỏi guồng máy chính quyền đương sự ngưng gần hết liên lạc với xã hội và mức sinh hoạt giảm xuống mức tối thiểu. Thí dụ: ở xã hội Việt Nam và Trung Hoa không làm quan thì lui về ở ăn ăn rau ăn cháo. Đây là một tinh thần có giá trị đối với cá nhân song rất nguy hại cho sự phát triển tập đoàn. Người lui về ở ăn vô tình làm đông tiến xã hội suy giảm nếu không nói là ngưng trệ tùy theo tầm quan trọng của đương sự trong xã hội. Hậu quả của sự thiếu sót ý thức tập đoàn là sự chăm lo cho cá nhân và thiếu giáo dục gia đình. Đương sự sẽ không gây cho con cái ngay từ trong gia đình một ý thức tập đoàn và đứa trẻ khi ra đời sẽ chờ vợ bỏ ngõ, có khi xung đột với xã hội. Không thiếu gì cha mẹ cho con cái ăn mặc và gởi con đến trường. Song rất ít bậc phụ huynh biết cách đặt con

cháu mình trong những môi trường trong đó đứa trẻ thành lập dần dần ý thức về xã hội và tương quan giữa nó và tha nhân.

Phương thức thứ nhất.

Tình trạng thiếu sót này rất trầm trọng tuy nhiên có thể sửa chữa được. Ngành giáo dục tâm lý thực nghiệm cần phải tăng cường công dân giáo dục. Song song với việc huấn luyện công dân giáo dục ở nhà trường, còn cần phải có một sự huấn luyện chậm rãi song lâu dài cho người công dân sau khi đã rời ghế nhà trường. Đề bỏ tức điều kiện cho người công dân, cần có một chương trình phổ thông giáo dục cho người lớn. Nhưng thế chưa đủ, cần có những tổ chức để học và người dân trực tiếp tham gia vào công cuộc tập đoàn, sống với ý thức đoàn thể và luôn thấy mình sống trong một liên hệ thiết yếu với xã hội. Người dân sẽ bắt đầu lập lại thế quân bình giữa phát triển cá

nhân và phát triển xã hội. Thí dụ người sẽ phát triển tư sản trong khuôn khổ làm tăng trưởng lợi tức quốc gia. Đứa trẻ đồng thời nhận được ba nguồn giáo dục: một từ học đường, một trong gia đình, một ở trường đời. Ý thức sống của nó nhỏ thế sẽ vững vàng rõ rệt và một khi ra đời đảm nhiệm vai trò của mình, người thanh niên sẽ làm thay đổi bộ mặt đời người cho tốt đẹp hơn, đây là mục đích của giáo dục. Ngoài ra còn một Nha Phối Hợp sẽ sẵn sàng giúp mọi người dân và học sinh lý hội mọi sinh hoạt cơ cấu hiện tại của xã hội. Nha Phối Hợp sẽ là nguồn cung cấp tài liệu chính thức về cơ cấu của đoàn thể mình đang tham dự. Đó là phương thức thứ nhất đề cải tổ giáo dục.

Phương thức thứ hai.

Một khía cạnh khác của tình trạng khủng hoảng giáo dục là tình trạng bơ vơ mất tin tưởng nơi thanh thiếu niên mà hậu quả là sự gây đồ

Quan niệm giáo dục thuần túy khoa học

Nếu mục đích của giáo dục là giúp đỡ và hướng dẫn cho đứa trẻ hoàn thành sứ mệnh làm người, thì giáo dục không thể nào tránh khỏi các vấn đề và các khó khăn của triết lý, vì giáo dục tự bản thân nó lý luận phải có một triết lý về người. Và nếu như vậy, nó buộc phải đáp lại cái câu hỏi thậm oái ăm, các cố con quái vật, sphinx, của triết lý nêu ra từ muôn thuở: « người là gì? ».

— Duy có hai quan niệm về người được coi là có tính chất « lương thiện » và « chân thành đứng nhất: quan niệm thuần túy khoa học và quan niệm thuần túy triết học về người.

Hiển nhiên quan niệm thuần túy khoa học về người có thể cho chúng ta biết những điều vô cùng quý báu và luôn luôn đổi mới những phương tiện và khí cụ dùng vào việc giáo dục, song chính nó không thể cho chúng ta biết căn bản chủ yếu và phương hướng nguyên thủy của giáo dục, vì giáo dục cần phải biết trước hết, đầu hết người là gì đã, bản chất, thực chất của người ra sao và phải đặt ra một cách cấp, một trật tự rất thiết yếu cho các giá trị bản thân của người; quan niệm thuần túy khoa học về người, bởi không rõ « người thực ra là thể nào », nên không biết được những điều trên, mà chỉ biết những cái xuất phát ra từ thực thể, bản thể người, trong phạm vi giác quan và trong phạm vi có thể đo lường được. Các thanh thiếu niên Tom, Dick hay Harry, là những kẻ thụ giáo, không chỉ là một mớ những hiện tượng vật lý, sinh lý và tâm lý — những hiện tượng bắt buộc phải biết và cần thiết phải biết — song chúng còn là những con cái của người, (tiếng người đầy hiều theo nghĩa dung thường của phụ huynh, giáo chức và xã hội) chỉ cái bí mật rất huyền vi, rất u minh đối với kiến thức hợp lý của các nhà triết học về thân học.

liên hệ thầy trò. Thanh thiếu niên hiện tại hơn ai hết cần có một chí hướng và một thần tượng. Người thanh niên vừa trải qua một tiến trình phát triển cơ thể và tình cảm tâm lý, nên vừa kết tụ được một bản ngã. Tương đối những sở thích, ý tư tưởng, hành động đã ở thể gần quân bình. Song chính lúc quan trọng nhất, nó quyết định chiều hướng đời người thanh niên. Ở giai đoạn này cần có một điểm tựa để bầu vút. Trong tình trạng hiện tại, học đường với những tác dụng hời hợt đã để người thanh niên tuột khỏi tay mình. Gia đình trở nên chật hẹp đối với kích thước mới của tâm hồn đứa trẻ vì không tạo được môi trường thích nghi cho đứa trẻ. Xã hội đang còn xa lạ, đầy đầy những đảo điên, những mâu thuẫn cực kỳ trầm trọng. Thanh niên bắt đầu thấy mình cô đơn bơ vơ, mất gần hết tin tưởng ở thế giới tha nhân, bắt đầu lưu lạc từ thế giới này qua cứ diễm khác, một phần để khám phá, để bắt đầu trở lại và một phần là buông xuôi. Hậu quả

liên hệ gần gũi nhất là tương quan thầy trò bị đổ vỡ.

Để giải quyết tình trạng lưu lạc của thanh thiếu niên, ngành giáo dục sinh hoạt nhân sinh tổng hợp mở rộng mộ bộ môn tổng hợp kiến thức. Đứa trẻ sẽ học thêm để biết mọi môn học và sinh hoạt hiện có của nhân loại đóng góp như thế nào vào đời sống cá nhân và xã hội để lý hội được căn bản trường tồn của giáo dục, mục đích của giáo dục và cứu cánh đời người. Với cái nhìn đó đứa trẻ khi bước vào giai đoạn phân biệt lựa chọn sẽ tự tạo cho mình một hướng đi, xây dựng thần tượng cho mình và hướng chiều mọi sinh hoạt của mình vào một mục tiêu. Ở nhà trường bước ra đứa trẻ sẽ biết vượt lên trên mọi hiện tượng để nhìn thấy dòng ý thức trôi chảy đến một bến bờ và biết nhìn thấy những đảo điên như những biến thái của một cõi nguồn chung.

Phương thức thứ ba

Đó là phương thức thứ hai để

cải tạo giáo dục. Phương thức thứ ba là nói rộng phạm vi giáo dục hay là đặt giáo dục đúng vị trí của nó đề xứng đáng là chiều hướng sống chính yếu và cao cả nhất của con người hay là nỗ lực năm ấy vận mệnh của con người như một tiểu vũ trụ. Giáo dục hiện thời hạn trong phạm vi dạy chữ cho trẻ. Những tổ chức thanh niên học đường chỉ là những cố gắng gượng gạo cổ tiêng mà chưa có sinh hoạt thực sự. Hơn nữa giáo dục vì mục đích và căn bản của nó cần thâm nhập mọi bộ môn sinh hoạt của mọi con người để phối hợp kiến thức và đưa ra thái độ nhân sinh. Chúng tôi vì vậy đề nghị bộ Giáo dục cần có ba ngành sinh hoạt chính : giáo dục sinh hoạt trí tuệ, giáo dục sinh hoạt tâm lý tình cảm thực-nghiệm, giáo dục nhân sinh tổng hợp. Ngoài ra còn phải có một Nha Phối Hợp gồm đại diện các ngành khác để giúp người công dân lý hội gương máy của đoàn thể mình tham dự. Trong hiện tại, giáo dục chỉ đặt nặng vấn đề dạy chữ và thi cử. Phạm vi

cũng chưa vượt ra khỏi ngành sinh hoạt trí tuệ và tệ hơn nữa là những gì nhà trường dạy cũng chưa phải là thứ kiến-thức đích thực. Chúng chỉ là những từ chương và những công thức hoàn toàn thiếu giá trị trong đời sống uyên chuyển uẩn diệu. Phạm vi giáo dục cần phải vượt xa hơn. Giáo dục cần phải theo dõi người dân sau ngưỡng cửa nhà trường. Giáo dục cần chuyển từ tình trạng thu hẹp vào giới hạn tối thiểu sang tình trạng chủ động thâm nhập mọi sinh hoạt của con người. Tuy nhiên cần phân biệt sự độc tài chỉ phối mọi riêng tư cá nhân với nỗ lực biến cải đời người từ trạng thái sơ khai đến tình trạng thăng hoa tạo bộ mặt độc nhất của xã hội loài người và dấu vết huy hoàng của những người đã và đang có mặt. Nếu con người chinh phục được không gian thì đây không phải hào quang của loài người. Chính biến đổi quan trọng do giáo dục đem lại cho đời người giúp con người khác xa tình trạng khởi điểm mới là hào quang của nhân loại.

Quan niệm giáo dục dựa vào triết lý và tôn giáo.

Giả thử chúng ta thiết lập nền giáo dục cho người và hoàn thành nó nguyên trên quan niệm thuần túy khoa học, chúng ta sẽ làm cho nó biến dạng đi, đồng thời lại làm cho nó hư hại đi nữa. Đó là vì thực tế, chúng ta sẽ phải buộc lòng tư vấn về thực chất, bản chất và vận mệnh của người và chỉ còn biết dựa vào quan niệm thuần túy khoa học mà tìm lời đáp vấn, phải lấy từ đó ra một ý niệm siêu hình nào đó mà giải quyết, trái nghịch hẳn với cơ cấu nguyên thủy của quan niệm hoàn toàn dựa vào khoa học trên. Kết quả hợp lý của quan niệm thuần túy khoa học là đưa chúng ta tới chỗ tự đề ra một ý niệm siêu hình đầu Ngô mình Sở nào đó, có một hình thức khoa học giả tạo mà lại thiếu một nội dung triết lý sáng suốt và thiết thực; kết quả thực tế của quan niệm ấy là đưa chúng ta tới chỗ hoặc có thái độ từ khước, hoặc có một nhận thức sai lầm đối với những giá trị mà nếu thiếu, việc giáo dục người sẽ mất hết ý nghĩa nhân bản và biến trở thành việc tập tành cho một con vật phục vụ nhà nước mà thôi.

Vậy nên quan niệm hoàn bị và toàn mãn về người, được coi là thiết yếu cho mọi nền giáo dục, phải là một quan niệm triết lý và tôn giáo về người — Là một quan niệm triết lý vì nó phải lấy thực chất, bản chất người làm đối tượng. Là một quan niệm tôn giáo, vì thực chất, bản chất người đó ở trong trạng thái hiện tồn có mối liên quan với Thượng Đế, và vì ở trong trạng thái ấy, người được Thượng Đế phú cho những tư chất đặc thù để kinh qua nhiều thử thách mà hoàn thành thiện chức của mình.

Jacques Maritain.

(Pour une philosophie de l'Éducation)

Nền giáo dục hiện đại được mệnh danh là giáo dục nhân bản. Dù thiếu sót và hỗn loạn nền giáo dục hiện đại cũng có ý hướng căn cứ vào bản tính con người để phát triển những khả năng tiềm tàng nơi con người với mục đích khai phóng cho con người khỏi trạng thái sinh sống thô sơ và tiến hướng đến chân thiện mỹ. Như thế chưa đủ. Giáo dục cần phải mang thêm tính cách mạnh bạo. Nếu chỉ căn cứ vào bản chất để uốn nắn con người thì giáo dục sẽ quá mực thước đối với kích thước càng ngày càng tăng trưởng của tâm hồn con người. Giáo dục phải mạnh bạo dứt đứt quán tính trong nhân bản nó làm chậm trễ bước trưởng thành vượt bậc của con người. Giáo dục phải đặt con người vào một môi trường căng thẳng trong đó con người hoặc phải chết hoặc phải gấp rút thiết lập

được tương quan thích nghi. Khác, con người hình như được chọn để biểu lộ dòng sống riêng mẫu theo một cách thể tính vi hoàn hảo nhất, vì mọi khả năng và cơ năng của con người đều phức tạp và phong phú nhất. Như vậy con người là sinh vật độc nhất xứng đáng là khuôn mặt đại diện cho sự sống của vũ trụ. Giáo dục không căn cứ trên bản chất lì lợm, buộc chặt con người vào bản năng, mà phải căn cứ trên bản chất hướng thượng và cứu cánh đời người. Các nhà giáo dục đại của Đức chủ trương rằng nơi đứa trẻ có tiềm tàng một tượng lai huy hoàng. Đó là căn bản của giáo dục, không phải cuộc sống bình lặng cho mỗi cá nhân. Giáo dục như vậy phải vừa nhân bản, vừa mạnh bạo và vừa khai phóng.

NHƯƠNG SAO



ĐÀN BÀ ĐỐI VỚI CỎ NHÂN

Đối với đàn bà, cỏ nhân thường có thái độ tự hiềm, người đời nay thường khó quan niệm.

Đức Phật Thích Ca, đối với Hoàng hậu là bà Da-la khi quì gối làm lễ kính chông, đã không ngần ngại nói thẳng :

« Phải, ta không nên quá tin đàn bà. Có được một người khôn ngoan, hiền đức, thời có cả trăm ngàn người điên dại, hung ác. Đường nước con cá lội không bị thiết bằng người đàn bà. Bọn ăn cướp ít giữ trọn hơn, người đàn bà cũng lợi hại, mưu trí như bọn ấy. Người đàn bà ít nói thực, vì đối với họ giả dối cũng như thực tình ».

Đức Phật còn tỏ ra nghiêm khắc hơn, khi thuyết phục ông Nam-đa là em ngài ở rừng Trúc Lâm, vì nhận thấy trí ông còn vương vấn cô tình nhân Xuân Ca.

Ngài dắt em đến trước một cây cao, trên cây có một con khỉ cái. Ngài chỉ con vật mà bảo em :

« Con khỉ cái này giống nàng Xuân Ca. Cả hai đều thuộc giống cái, cả hai đều kêu gọi, làm cho giống đực phát sinh dục tình... Khi cả hai con cái đều già và chết đi, con đực và em mới hiểu cái giả dối của giác quan».

Và khi bà đi Ma ha Ba ba lãn xin nhập đạo, Đức Phật đều nín lặng. Tới lần thứ tư, nhờ sự can thiệp rất gắt của ông A-Nam, ngài suy nghĩ lung lắm rồi mới phán rằng:

« Này A-Nam, ta sẵn lòng tha thứ bà Ma-Ha Ba nhưng bà phải chịu giới luật gặt gao. »

Nhưng rồi một hôm, ngài phán với A-Nam rằng :

« Dân bà không được vào hội chư Tể, thời sự trong sạch còn giữ được lâu bền, lòng tín ngưỡng cao thượng và mạnh mẽ vẫn còn giữ được một ngàn năm. Nhưng vì dân bà đã vô rỗi, thời lòng trong sạch sẽ giảm dần, Đạo chánh của ta chỉ còn mạnh mẽ trong khoảng năm trăm năm thôi. »



Lần xem Cựu Ước trong Ki-tô giáo, ta thấy thái độ ty hiềm đối với phái nữ của các vị tiên tri nếu không hơn, thì cũng không kém phần kịch liệt so với thái độ của Đức Phật nhất là thái độ của tác giả *L'Écclésiastique* (1).

Theo tác giả *L'Écclésiastique* (25, 13-24) không có vết thương nào bằng vết thương lòng, ác đức nào bằng ác đức của người đàn bà :

Toute blessure, sauf une blessure du cœur !

Toute méchanceté, sauf une méchanceté de femme !

Không có nọc nào độc bằng nọc rắn, giận hờn nào độc bằng lòng giận hờn của đàn bà :

Il n'y a pire venin que le venin du serpent,

(1) cf DANIEL ROPS, *La vie quotidienne en Palestine au temps de Jésus*, tr. 159 — On tirerait sans peine, de l'Ancien Testament, une forte édifiante anthologie de la mésogynie ; les Prophètes, en particulier se distinguent par la véhémence de leur propos sur les femmes : elles sont ridiculement vaniteuses, dit Isaïe, voluptueuses et perverses, ajoute-t-il ; cruelles, dit Amos ; pleines de duplicité, concluent Jérémie et Ezéchiel.

Il n'y a pire haine que la haine d'une femme ennemie.

Thà ở với sư tử hay mạng xà còn hơn ở với đàn bà độc ác :

J'aimerais mieux habiter avec un lion ou un dragon

Qu'habiter avec une femme méchante.

Quỉ quái tinh ma nào thì cũng không bằng quỉ quái tinh ma của đàn bà, quỉ quái tinh ma đáng trừng phạt nặng nề nhất thế gian :

Toute malice n'est rien près d'une malice de femme.

Que le sort des pécheurs lui advienne !

Ác đức của đàn bà biến đổi gương mặt của người ấy thành gương mặt thâm xám của một con gấu đen :

La méchanceté d'une femme change son visage,

Elle fait grise mine, on dirait un ours.

Đàn ông chớ đề cho nhan sắc đàn bà mê hoặc :

Ne te laisse pas prendre à la beauté d'une femme,

Ne t'éprends jamais d'une femme.

Lòng rầu rĩ, mặt buồn thảm, vết thương sâu kín, đó là công trình « xây dựng » của người đàn bà ác đức :

Coeur abattu, visage triste, blessure secrète,

Voilà l'œuvre d'une femme méchante.

Chính đàn bà đã khơi nguồn tội lỗi, chính vì đàn bà mà chúng ta phải chết hết cả :

C'est par la femme que le péché a commencé et c'est à cause d'elle que tous nous mourons.



Đức Phật Thích Ca và tác giả l'Écclesiastique tuy lên án đàn bà nặng nề như vậy, song chưa nói tới tác phong của những người dù sao thuộc phái đã được mệnh danh rất mỹ miều là phái đẹp, phái yếu (mà có yếu thực chẳng?)

Chúng ta hãy nghe Tiên tri Jérémie (3, 15):

Et toi, qui t'es prostituée à de nombreux amants, tu prétends revenir à moi ? Oracle de Yahvé... Lève les yeux vers les monts chauves et regarde. Est-il un lieu où tu ne te sois livrée ? Tu étais pour la clientèle le long des chemins comme un Arabe au désert. Et tu conservais un front de prostituée refusant de rougir... Obstinée que tu étais !

(Hỡi mi là kẻ đã bán mình cho biết bao nhiêu nhân tình không kể xiết... Mi hãy nhìn lên những nơi cao ráo nọ, còn có nơi nào là nơi mi không đứng mà bán mình cho khách qua lại như một người Ả rập ở giữa nơi sa mạc. Mi còn vác mặt thập thành lên mà không biết xấu hổ... Mi thực mặt dạn mày dày vậy !)

Và Tiên tri Ezéchiel (16, 15):

Tu t'es infatuée de ta beauté, tu as profité de ta renommée pour te prostituer, tu as offert tes débauches à tout venant... malheur, malheur à toi ! — tu t'es bâti un tertre, tu t'es fait un haut lieu sur toutes les places. A l'entrée de chaque chemin, tu t'es bâti un haut lieu pour y souiller ta beauté et livrer ton corps à tout venant, tu as multiplié tes prostitutions. Tu t'es prostituée chez les Egyptiens, tes voisins, au corps puissant, tu as multiplié tes prostitutions pour m'irriter.

(Mi ý cậy vào sắc đẹp, mi lợi dụng tiếng tăm để bán mình, mi thất thân với bất cứ ai...khốn nạn, khốn nạn cho mi ! Mi xây gò cao, núi giả ở mọi chốn, đem cái mảnh hồng nhan

mà làm điều ô uế và tính cuộc mây mưa đồn dập, người trao thân cho những tên Ai cập cường tráng, ngày càng hoang dã, phóng dăng dễ trôi mất ta.)

Sau nữa, xin đọc :

Ecoutez cette parole, vaches de Bashân qui demeurez sur la montagne de Samarie, vous qui opprimez les faibles, écrasez les pauvres, vous qui dites à vos maris : « Apporte et buvons ! » Le Seigneur Yahvé le jure par la sa sainteté : Oui, des jours vont fondre sur vous où l'on vous enlèvera avec des crocs et jusqu'aux dernières avec des harpons.

(Này, hay nghe đây, hỡi lũ bò cái xứ Bashân (1) bày ngút nghều trên sơn linh xứ Samaria mà hà hiếp kẻ thế cô, dễ nén kẻ bần cùng, truyền lệnh cho chồng cung ứng ao ruộng rừng thết mà làm điều dâm loạn. Thân mình thế sẽ khiến cho ngày kia có kẻ đem lao, lấy móc mà hốt bầy đi cho tiết giống).

Đọc những đoạn trích trên ta thực khó lòng ngăn chặn được cảm giác rùng rợn, tuy những lời cảnh cáo ghê gớm chẳng phải gửi riêng cho phái đàn bà mà cho hết mọi linh hồn đã nhận tâm bản mình cho ma quỷ và ta hiểu tại sao Jean Guilton đã phải thờ dài thốt lên :

Thánh kinh khi nói về quỷ quái tình ma của đàn bà có những nhận định, thực đáng cay !

(La Bible contient sur la malice des femmes des constatations bien amères !) (Pages pour les jeunes).

Song, phải chăng chỉ duy đàn bà mới « quỷ quái tình ma ».

(1) Bashân vốn là xứ có những cánh đồng cỏ phì nhiêu, bò to lớn và mạnh khoẻ nổi tiếng.

hơn nữa, phải chăng đàn bà nhiều khi đã được Thánh Kinh đề cao một cách tuyệt, như tiên tri Malachia đã gọi đàn bà là "bạn chi lan" hay "bạn kim lan" (*compagne*) đối với đàn ông, là "tào khang chi thể bất khả hạ đường" (*femme de son alliance*) của bọn râu mày. Và chính tác giả L' *Ecclesiastique* cũng dùng những danh từ rất mỹ diệu để gọi những người đàn bà đoan chính, những bậc từ mẫu, hiền thê : *Joie du mari* (hạnh phúc của chồng), *force du mari* (đảm lực của chồng), *don du Seigneur* (hồng ân của Thượng đế), *valeur inestimable* (giá đáng ngàn vàng), *soleil levant sur les montagnes du Seigneur*, (ánh bình minh mọc lên trong giảng sơn chúa) *Une lumière brillant sur un lampadaire sacré* (đuốc thiêng sáng trong Đèn Thánh Chúa), *colonnes d'or sur une base d'argent* (trụ vàng đặt trên chân bạc).

Để được công bình, ta sẽ có dịp bàn rộng thêm trong một bài sau.

H.M.T.

DÒNG NƯỚC CHẢY.

Lý Bạch Thi có câu :

Cổ lai vạn sự đông lưu thủy, xưa nay muôn sự đều như dòng nước chảy về đông.

Do đây, có câu « Phó chi đông lưu », phó cho nước chảy về đông, chỉ bốn con sông lớn của Trung Hoa đều chảy ra biển Đông.

Hai câu đều có nghĩa là thời gian trôi đi, tiếp tục trôi đi, không mong trở lại, sách I' *Ecclesiaste* có câu :

Tous les fleuves marchent vers la mer, et la mer ne se remplit pas ; et les fleuves continuent à marcher vers leurs termes. (Qo, 1, 7).



Tám bia cảnh giáo

tại

TÂY AN PHỦ

Tài liệu cổ nhất về

Kitô giáo tại

Trung Hoa

CHÚNG tôi đã giới thiệu cùng bạn đọc, trong Mai số 1 tháng chạp 1964, Tám Bia Cảnh Giáo, do các giáo sĩ Dòng Tên (Jésuites) đã tìm được tại Tây An Phủ, dựng từ năm 781.

Tiểu Đề và Nhan Đề của tám bia như sau:

Đại Tàn Cảnh Giáo lưu
hành Trung Quốc bi.

Monument (rappelant)
propagation à travers l'
pire du Milieu de l'E
tre Religion de Ta - T

Cảnh Giáo lưu hành Trung
Quốc Bì tụng tinh tự.

Éloge et Dissertation (gravés sur la) Stèle (rappelant la) propagation de l' Illustre Religion dans l' Empire du Milieu.

Giải nghĩa tiếng Việt và Chú thích về **TIÊU ĐỀ** và **NHAN ĐỀ**, xin coi **MAI** Số 1, tháng chạp, 1964.

..

Soạn giả tấm bia

Đại Tân tự tăng Cảnh
Tịnh thuật

Composé par King-Tsing
prêtre du monastère des
grands Ts'in.

Do vị tăng Cảnh Tịnh tại Đại Tân Tự thuật lại.

CHÚ THÍCH

— **Cảnh tịnh** là tên tác giả hay soạn giả tấm bia, đúng hơn, “**đạo danh**”, tên đặt bằng tiếng Trung Hoa khi theo đạo. **Cảnh**: sáng láng, **Tịnh**: trong sạch, hay trở nên trong sạch mà sáng láng. Đó là cách dùng pháp danh của Phật giáo, cách dùng tên hiệu của nhà thiền đặt cho đồ đệ, hoặc cho người quý ý. Các tín hữu Cảnh giáo thời thịnh Đường giữ nguyên quán lệ của các tăng chúng

Phật giáo, thay tính danh khi còn ở đời bằng một tên hiệu, thường gồm hai chữ (như Pháp Hiền, Vạn Hạnh, Huệ Minh, Mãn Giác...) thêm chữ **Thích** để tỏ mình thuộc về tôn giáo của Đức Thế Tôn Thích già. **Thích** thế cho tên họ, tức là **Tính**. Các vị tu sĩ Cảnh giáo dùng chữ **Tăng**, mà không dùng chữ **Thích** là lẽ cố nhiên. Họ thay **Thích** bằng **Cảnh** và đặt lên đầu pháp danh. Như ngoài

Cảnh Tịnh, có Cảnh Thông, Cảnh Phúc.

— **Tăng**, chữ Hán chỉ người đàn ông xuất gia tu Đạo Phật. Bác sĩ Léon Lý Ngã Thành, một nhà trí thức công giáo Trung Hoa, trong *Bỉ thư hậu* của ông, có ghi nhận chữ *Tăng*, dùng để chỉ các nhà tu sĩ Thích-lợi-á (Syriens), là một danh xưng tuy đã được các người đề ra nó có dụng ý rất thành thực và rất có nhiệt tâm, song đã bị các văn gia thế phan (protestants) tỏ ý không tán đồng và đã bị nhiều quyết nghị của Triều Đình La Mã mặc nhiên phủ nhận.. (Cf les rép. du 20 Mars 1685 au Vic. apost. de Siam, et du 23 Mars 1844 au Vic. apost. de Liao tong (Liêu Đông).

— **Tự**, chữ Hán có nghĩa là chùa thờ Phật có tăng ni ở. Tây phương, người Pháp gọi là *pagode*, theo tiếng *pagoda* của người Bồ Đào Nha, chỉ nơi ta gọi là *dền, miếu, từ* (temple). Muốn kiếm một tiếng Pháp tương đương với chữ *tự* thì có tiếng *monastère*, nơi ở của người

tu hành độc thân (moine, hy lạp : monakhos) ; nơi ở của người tu hành thì cổ nhiên phải gồm cả nơi phụng tự, hành lễ (temple, chapelle).

— **Đại Tân** là hai chữ có lẽ dùng chỉ một nước Tây Phương của các giáo sĩ thừa sai gởi qua Trung Hoa truyền giáo là nước Syrie cổ, gồm Syrie, Liban, Jordanie và Israel (Palestine) gọi là *Syrie géographique*. Các giáo sĩ thừa sai sang Trung Hoa truyền giáo có thể là những người khởi trình từ những nước trên, đồng thời với các giáo sĩ Ba tư. Do đây nhà thờ, nhà dòng của giáo sĩ các nước Syrie sang Trung Hoa truyền giáo từ đầu đời nhà Đường, dưới triều Lý Thế Dân (Thái Tông), khoảng đầu thế kỷ VII, được người Trung Hoa mệnh danh là *Đại Tân Tự*.

Theo *Từ Nguyên*, người Trung Hoa thời cổ gọi Đế quốc La mã là *Đại Tân*. Thuyết xưa cho rằng Phương Tây gọi Trung Quốc là *Tân*; nhân thấy người La Mã

lớn lao, bề vế, đỉnh đạc (tr ường đại bình chính) có giống người Trung Quốc nên gọi như thế.

— Thuật

Chữ ngày nay dùng để chỉ việc thảo các bi ký thường là chữ soạn (Cf Kim Thạch tụy biên).

Chữ thuật đây (theo thuyết văn = tuần dã, nghĩa là thuận theo), người dùng là Cảnh Tịnh có ý muốn nhấn mạnh ở điểm: lời ông sắp nói chỉ là lời thuận theo, mà thuật lại, biết sao thì nói lại vậy, cố giữ lấy tính chất vô tư của một sử gia. Chắc ông

muốn ám chỉ một câu của Không Tử trong Luận ngữ (Quyển tư, 1): « Thuật nhi bất tác; tín nhi hiếu cổ », ý nói: ta đem kinh sách của Thánh Hiền mà thuật lại, chứ ta không có làm ra, ta tin tưởng, và hàm mộ đạo lý người xưa. Như vậy Cảnh Tịnh là người đã tự tay viết ra văn bản khắc trên bi kí, chứ không phải là người dựa theo một tài liệu nào khác mà dịch ra; có nhiều chữ khác dùng để chỉ việc dịch chẳng hạn chữ phiên và chính chữ dịch, như thấy đề sau tên những soạn giả Tam Tạng kinh viết bằng Hán văn.

KHẨU HỌA

Sách « Les Proverbes » « Thi Kinh » của Do Thái nói về cái khẩu họa, cái họa do miệng lưỡi gây ra, cho rằng:

A garder sa bouches et sa langue

On se garde soi-même de l'angoisse (Pr. 21, 32)

Sách này răn đe người ta nên giữ miệng, giữ được miệng thì sống, không giữ được miệng thì chết:

Qui veille sur sa bouche garde sa vie,

qui parle trop se perd (Pr. 13, 3)

Le sot bavard court à sa perte (Pr. 10, 8)

— Trung Hoa có câu: **Họa tòng khẩu sinh, Họa tòng khẩu xuất: Ăn nói đều có thể sinh tai họa được.**
Lời nói từ miệng ra mà sinh tai họa.

ĐÔNG TÂY và CHẤN ĐOÀI

T Â P « Le Bréviaire romain » (Lavigerie), trong ngày lễ « L'Immaculée Conception », có trích bài giảng nghĩa của Thánh Germain, Giám mục, chào mừng Trinh Nữ Maria, coi Bà là Lạc viên do chính tay Thượng Đế khởi công khai sáng ở Đông phương, lạc viên ấy đã đâm trổ ra cho Ngài một bông bội lan thơm ngát và một bông tường vi, chẳng bao giờ tàn nhị, làm phương thuốc chữa cho những kẻ đã trót uống phải cái nước đắng đót đưa tới từ vong ở bên Tây Vực :

« Salut, paradis de Dieu, paradis très agréable et spirituel, planté par sa main toute bienveillante et toute puissante aujourd'hui à l'Orient ; paradis où fleurissent pour lui, le lis au parfum suave et la rose inaltérable, pour être les remèdes de ceux qui ont bu en Occident à la source amère de la mort contagieuse et funeste à l'âme... »

Và nhà chú giải có thích nghĩa về quan niệm Đông Phương và Tây Vực, coi Đông Phương, hướng mặt trời mọc, là tượng trưng cho sinh hoạt chớm nở, đầy triển vọng, đối với Tây Vực, hướng mặt trời lặn, là tượng trưng cho tàn mạt, tử vong :

« Dans le langage oriental, l'Orient, le soleil levant, est toujours le symbole de la vie qui naît jeune et pleine d'espoir, en opposition avec l'Occident, le soleil couchant, symbole de la mort et de tout ce qui la prépare. »

Xin bàn rộng thêm về Đông Tây, theo nghĩa Chấn Đoài trong Dịch :

Chấn thuộc phương Đông, nên ánh sáng mặt trời mọc phương Đông gọi là Chấn diệu. Chấn chỉ sự hanh thông, thịnh đạt, chủ ở sự sinh hóa vạn vật, tượng của nó là lôi (sấm), nghĩa của nó là động. Thuyết Văn cho Chấn là tiếng sấm, chấn động vạn vật, do đây ta có thể cho Chấn làm chủ sự sinh hóa của vạn vật.

Đoài thuộc phương Tây. Tượng của Đoài là trạch (đầm nước), ở chỗ hạ lưu sâu, nước bề tấp không lưu thông được, Theo Tiên Thiên Bát Quái, Đoài là hơi nước, sương mù.

Tùy hứng

Nói đại khái về « nghiệp chương »

HẠNH TRẠI

Đại ý bài Tùy Hứng, Hạnh Trại, không nói gì khác hơn nhưng lời tác giả L'Ecclesiaste đã thốt từ ngàn xưa: « Thực tế, số mệnh người và số mệnh vật chẳng có gì khác nhau: người chết, vật cũng chết, và cả hai cùng có hồn; cái hơn của người đối với vật chỉ là hư vô, vì mọi sự đều hư vô. Cả hai cùng tới một chỗ; cả hai đều từ cát bụi mà ra thì rồi cả hai cùng trở về cát bụi. Ai biết chắc được hồn của người lên cao, hồn của vật xuống thấp ?

« De fait, le sort de l'homme et celui de la brute est le même ; l'un meurt, l'autre aussi : ils ont le même souffle tous les deux ; car tout est vanité. Tous les deux vont au même endroit ; tous les deux viennent de la poussière, tous les deux retournent à la poussière. Qui sait si le souffle de l'homme monte en haut, et si le souffle des bêtes descend en bas ? (Qo, 3, 19-20)

Tuy nhiên niềm hoài nghi đó chỉ là niềm hoài nghi bột phát trước cái chết kinh khủng không thể tránh, nó đe dọa hết mọi người chẳng trừ ai. Đó chỉ là cơn cám dỗ của loài người bị đặt trước cái đêm tối dày đặc thăm thẳm của « kiếp phù thế nhân sinh thật thoát », cái « nuit » của một Pascal, hay của một Marie Noël...

Hạnh Trai hy vọng lấy lại được thăng bằng trước niềm hoài nghi, tiếp tục nhịp sống bằng cách « hét lên... **Hãy sống! Hãy sống! Hãy sống cho ra được cái giống người.** *Près de la mort, on trouve la vie et sa vie.* »

Chúc Hạnh Trai đạt được thành quả: **Hãy sống cho ra được cái giống người!** Đó là cả một chương trình có động lực thúc đẩy những « tâm hồn yếu đuối » (lời tác giả) vượt lên trên niềm hoài nghi mà thấy được quang minh bất diệt. Như L' *Ecclesiaste* hoài nghi và bi quan đã thấy, khi kết luận tác phẩm của mình bằng câu: « *La poussière retourne à la terre comme elle en vint, et le souffle à Dieu qui l'a donné* », Cát bụi trở về đất như đã từ đất tới. Song hồn trở về Thượng Đế vì hồn từ Thượng Đế mà ra. (Qo, 12 7,5).

TÔI không thể nào ngủ được, chưa đêm nào ngủ trọn một giấc cho ngon lành, độ này đã gây hấn đi và cảm thấy mình già nua đi nhiều. Ngoài trời, nửa đêm về sáng, cũng âm u như cái xa vắng của lòng tôi, hình như mới mưa thì phải, tôi rung mình nghĩ tới cái rét căm căm của mùa Đông xứ Huế, lạnh đến buốt xương nôi đá gà, móp tay móp chân, lạnh tím cả đôi môi.

Thường thường vào khoảng tháng bảy, tám âm lịch thì đã mưa lớn (tháng bảy nước nhẩy lên bờ,) nhưng năm nì, năm ngoái, mùa mưa không còn ồ ạt kéo về dầm dề có khi suốt cả tuần thối đất thối đai, có thể do ảnh hưởng của những thí nghiệm bom nguyên tử, làm cho thời tiết đổi màu thời gian chăng!

Tôi không ngủ được, trở dậy, với tay kéo cái học bàn lấy ba điều quân tiếp vụ, khối thuốc cuộn tròn, cuộn tròn, ý nghĩ đến cái vòng danh lợi cong cong... Chính những lúc tĩnh lặng như thế thuốc lá (vong ưu vật), là vật làm tiêu tan cái phiền ưu, phiền muộn đậm đà của thể nhân này.

Ôi, bon vieux temps. ôi thời gian như bóng ngựa khuất mình,
 ôi thời gian là lũ chuột gặm nhấm dần mòn cuộc đời mình, *belles*
journées, souris du temps,

vous rongez peu à peu ma vie. (Apollinaire.)

Giờ này, trên nhà, chắc Ba tôi đang ngủ, nếu tôi được nằm
 gần thì thế nào cũng bắt gặp Ba trần trờ, thờ dài theo giấc ngủ
 Ba tôi đã về hưu, Ba tôi đã về hưu, song Ba không hưởng được
 cuộc đời nhàn lạc của Đào Tiềm, vui thú đi câu, đánh cờ ... để gọi
 là chút duyên cầm kỳ thi tửu của con người hàn sĩ lúc hồi hưu.

Ba tôi đã già và ốm hẳn đi, mỗi ngày nào còn về trai tráng,
 ngày hai buổi, bis, bis, đạp chiếc xe lóc cóc đi làm, song
 về mặt của Ba lúc nào cũng vui vẻ, hình như ông còn có khuynh
 hướng trào phúng nữa là khác, ưa kể chuyện hài hước, ưa đọc
 một vài câu chữ nho, đã làm quen với lũ trẻ thanh niên mười
 tám, hai mươi tuổi. Tôi bảo kỷ niệm thời xa xưa, vì bây
 giờ Ba tôi còn đó, nằm ngủ trên nhà, nhưng tất cả cái vui
 hồn nhiên kia đã mất mất hết, mất hẳn, nhường lại một
 ít lăm li, đôi khi gắt gỏng, chướng.

Mỗi ngày nào mà bây giờ Ba tôi già rồi, *ài sinh chi tu du,*
 thương thay cuộc đời con người ngắn ngủi, đời người là phù
 du, tôi chạnh lòng nhớ tới vài câu thơ của Lamartine : *l'homme*
n'a point de port, le temps n'a point de rive. Il coule et nous
passons.

Ôi buồn, tôi buồn, tôi buồn và tôi hiểu tôi có nhiều
 mối cảm thông với Ba tôi, vì tôi là nguyên nhân của sự mất
 mát kia, tôi là đầu dây mối dợ của sự xót buồn thăm kín
 triển miên kia, vì tôi thì hồng Tú Tài. Thật ra đậu hồng có
 giá trị ngang nhau, và đậu hồng, đôi trường hợp, chỉ có sự
 diễn rõ mới trả lời được vì sao mình đậu hay mình hồng.

Tôi hồng, nhưng bạn bè tôi đau, thằng con trai của Ba tôi hồng nhưng con cái của thiên hạ không hồng. Thấy thế mà tôi mất con nhà, hồ mặt anh em, cộng thêm cái sự lui tới, nói năng, khoe khoang, kẻ lẽ lố bịch, vô duyên của một mớ người đời, làm tôi tự nhiên hóa thành chướng ngại vật... Ba tôi buồn là vì thế, trạng thái tình cảm của Ba chỉ có thế.

Ôi người đời; ôi thiên hạ; ôi kẻ khác; những giả hình nô lệ thành kiến, những con nộm, những kẻ mà Sartre đã không tiếc lời chán mửa: *l'enfer c'est les autres*.

Vội thiên hạ chúng nó, sống, con người chỉ thêm héo hon thân xác, giảm thọ tuổi đời...

Ba tôi không nghĩ tới thế, mà tôi cũng chưa hề cời mở mấy điều trên. Cuộc đời sao toàn những ngộ nhận, những hiểu lầm, buồn ối, buồn ối, ta bắt tay: *bonjour tristesse*.

Cuộc đời là phiên lụy, thân phận là nghiệp chướng, nhà Phật cho rằng chúng sinh sống từ kiếp này tiếp đến kiếp khác, kiếp này vì kiếp trước và sống cho kiếp sau. Kiếp này là con người vì kiếp trước có thể là con vật. và tôi tự nhiên đâm ra mong những kiếp trước có thể là con vật. và tôi tự nhiên đâm ra mong những kiếp sau được làm con chó, để tất cả mặt mũi, tác phong của tôi là hiện thân của loài vật, còn hơn làm được con người mà giá trị tinh thần, giá trị luân lý, hành động và ý nghĩ đầy rặt cả những thú tính.

Ôi thương thay cho căn dày kiếp dọa!

Cuộc đời ngày nay, sao như chỉ sống với đầu óc trống rỗng, cạn xốt, không có chút chiều sâu linh hồn, như thế mà khỏe hơn. Vì chiều sâu là vực thẳm (*notre profondeur est abime*). Tôi lại nhớ tới Arno Schmidt, nhớ W. Saroyan... Tôi cũng nhớ tới con Hạnh, đứa con gái hiền lành, nết na, đang hoảng đung mực mà tôi đã thương yêu, hẳn cũng yêu thương tôi nhiều biết mấy. Nhưng hiện tại hẳn không còn nữa, hẳn đi lấy chồng rồi, được đã nửa

năm... Tôi cứ nhớ mãi một hôm, buổi chiều có mưa rất nhỏ và lạnh lùng, Hạnh nó đến với tôi lần cuối cùng, hân khóc, hân đã khóc ướt hết vai tôi, tôi thì lòng se lại rất nhiều, con mắt hân ướt lệ đầm đìa; tôi nói với Hạnh : Em đừng buồn (*la vie sépare ceux qui s'aiment*), anh chẳng bao giờ quên em được đâu... Rồi tôi già pha trà, lấy hai câu thơ của Nguyễn-Khuyến : *Song thu đề mặt ánh trăng vào Mây chùm trước đậu hoa năm ngoái*, giảng cho Hạnh nghe. Giọng tôi tha thiết : « Em có hình dung hình ảnh buồn rưng rưng của Nguyễn-Khuyến ngồi ở mái hiên, trông ra một lưng đậu phật phơ màu khói nhạt, thấy hoa nở mây chòm và ngày xưa, chắc không có Mimosa, Pensée, Capucine hay Forget me not, hây Tigôn, nhưng có thể là một giàn bông lý nhân nhạt, thấy hoa nở trước mắt mà Nguyễn-Khuyến chạnh lòng nghĩ tới một lần hoa nở năm trước, nghĩa là một hiện tại chịu nặng quá khứ, một cái *présent passé*, trò chuyện với bác Dương-Khuê hay..., cảnh cũ làm nhớ lại người xưa, thì như chuyện của hai đứa chúng mình giờ này và giờ này năm sau, anh hỏi Hạnh làm thế nào quên được? »

Hạnh nó không còn khóc nữa, tuy nước mắt vẫn còn lại lãng quanh riềm mi. Chuyện tình yêu là kỷ niệm, mà rồi có gì nghĩa lý với thời gian, tất cả đều sẽ tan nhanh như bọt nước, để còn gì ở lại trong lòng thế nhân ?

Cuộc đời gặp nhiều thương đau, lắm oái oăm, vấp ngã, và chỉ biết buồn thương tìm đến người yêu, họa may gặp những tình cảm trong lành, tâm hồn còi mòi, không do dự, không ái ngại, không che giấu... Nhưng than ôi, lục trong trí mình, hỏi lại ký ức, còn bao nhiêu bạn bè đúng nghĩa, bao nhiêu bà con chân thành ?

Ôi, tất cả tôi chỉ trả lời bằng một tiếng cười to.

Tôi chán, tôi chán, tôi chán, tôi không trách chi đạo

Lão đã dạy con người nên trở về trạng thái trẻ thơ... Lão Từ nói : *anh nhi chi vị hải*, hạnh phúc con người như một đứa bé chưa biết cười, chưa biết khóc... và tôi cũng ước ao được biến xác thành một đứa hài nhi chưa học nói, học cười, học khóc mà chỉ nằm nhắm mắt ngủ triền miên : *laissez m'endormir du sommeil de cette terre.*

Tôi lại nhớ lời Saroyan nói : Con người trọn vẹn nhất ở trần gian này là một đứa trẻ thơ chưa bị học nói một ngôn ngữ nào, đó mới là nòi giống duy nhất... *babies who have not yet been taught to speak to any language are the only race of the earth, the race of man...*

Tôi nhớ, tôi nhớ, tôi lại nhớ một nhân vật trong phim « *Les racines du ciel* », một con người bác học uyên thâm, nói thông suốt mấy chục thứ tiếng, vậy mà khi trả lời với người khác, thừa nhận hay không thừa nhận, đồng ý hay bất đồng ý, anh ta chỉ lắc qua lắc vờ, ngúc lên ngúc xuống cái đầu, anh đã chán người đời và đời người, anh không thèm dùng ngôn ngữ của loài người nữa, anh làm cảm như một hài nhi chưa biết nói.

Bằng chứng có thể đó, mà con người không làm sao tránh khỏi, con người bắt buộc phải từ giả hình ảnh đứa hài nhi dễ lớn, lớn, lớn lên ; lớn lên, dễ đau đớn, dễ quân quai, dễ cái chết nó đến hư vô hóa cuộc đời...

Nhưng số kiếp con người là thế ! Đừng mong tránh khỏi *tant qu'il y aura des hommes...* bao giờ con người còn hiện hữu thì những cái sự gọi là thói đời vẫn tồn tại.

Tôi hét lên cùng những tâm hồn yếu đuối : *Hãy sống. Hãy sống !* Hãy sống làm sao cho ra được cái giống người ! *Près de la mort, on trouve la vie et sa vie.*

Ngoài xa trời bắt đầu sáng, gió sớm mát lạnh, tôi không viết nữa, tôi sợ người ta thấy.

HẠNH TRẠI

CÁI SỪNG TÂY NGU

HÀ-VÔ-HOÀI

*Le pire sommeil,
Ce n'est pas la maladie du sommeil,
Ce n'est pas le sommeil léthargique,
Ce n'est pas le sommeil hypnotique.
Le pire sommeil,
C'est le sommeil dogmatique.*

CARDINAL SALIÈGE



*Giấc mê tai hại nhất,
Không phải giấc mê phát sinh bởi bệnh ngủ,
Không phải giấc mê trong trạng thái hôn thụy,
Không phải giấc mê tạo ra bởi thuật thôi miên
Giấc mê tai hại nhất,
Chính là giấc mê giáo điều.*

HỒNG-Y SALIÈGE

NHỮNG ngày măn năm bao giờ cũng phăng phất
nhiều mùi vị tết hơn cả.

Đường về làng tôi vẫn từng ấy cảnh, từng ấy người mà sao trông khác hẳn. Cảnh như tươi hơn, người như vui hơn, mặc dầu hôm nay mới hai mươi tám Tết.

Tôi hân hoan xách cặp vào nhà chú Nghè.

Con Mực thấy bóng ngõ khách lạ, nhảy xỏ từ hiên đến sân châu mồm sủa vang. Con chó khôn ngoan lạ. Đã ba năm xa cách nay mới về thăm quê một chuyến vậy mà nó còn nhớ. Lúc đánh hơi được rồi, con mực im hẳn và ve vẩy đuôi chào mừng.

Thấy tôi về thăm, lại về đúng dịp tết, chú tôi vui ra mặt. Cả nhà xúm lại tíu tít hỏi thăm đủ thứ chuyện. Thật không sao trả lời xiết. Tuy nhiên, những phút bồi hồi ban đầu của cuộc tái ngộ rồi cũng dịu dần. Nơi bộ trường kỷ ngồi nhà giữa chỉ còn lại mình tôi và chú Nghè.

Bây giờ tôi mới có thì giờ nhận xét vài nét thay đổi trên bộ mặt quen thuộc của chú tôi. Tóc chú đã bạc trắng nhiều hơn đen. Những nét nhăn trên mặt chú cũng đông đặc hơn trước. Đôi lông mày nay như cao hơn hẳn trước gấp bội. Duy, cái tánh nệ cổ và tập quán cũ của chú là không thay đổi chút nào. Suốt một tối hàn huyên, tôi có rất nhiều cơ hội xác nhận lại điều đó là đúng.

Liên tưởng những biến cố lớn của thời đại, tôi không khỏi ngạc nhiên tự hỏi tại sao chú Nghè lại có thể khư khư ôm lối sống cũ của mình trước cái thay đổi quan trọng của thế sự như vậy.

Di nhiên thắc mắc này có rất nhiều cách giải đáp khác nhau. Nhưng xem ra, cách nào rồi cũng có bề thiếu sót của nó.

Đêm đó tôi đã vào giấc ngủ với lập luận tạm bợ rằng: sở dĩ chú Nghè vẫn sống theo tập quán cũ là vì chú tôi quá sùng

thương dĩ vãng của mình và xem nó như một chân lý tuyệt đối.

Nếu mọi sự bất hòa đều bắt đầu bằng... hòa thuận thì định luật đó quả đã giải thích trường hợp xích mích giữa chú Nghè và tôi. Bởi một lẽ giản dị là, giá trị không vì sự hòa đồng cùng huyết thống trở về quê cũ thắm chú, thì chẳng bao giờ tôi gặp chú và xảy ra vụ đáng tiếc mà tôi sắp thuật rõ dưới đây.

Ngày hai mươi chín tết, niềm vui tái ngộ vẫn vây bọc chúng tôi. Trong những giây phút quý hóa này, tôi thấy rõ mình có hạnh phúc và chạnh nghĩ những người cô quả hiện đang lang thang khắp mọi nẻo đường, chẳng biết về đâu tìm nguồn vui ấm cúng của mấy ngày đầu xuân.

Ngày ba mươi, lúc sửa soạn xong lễ cúng rước ông bà, chính là lúc khởi đầu sự xích mích giữa chúng tôi.

Phẩm vật lễ cúng an bài xong, người nhà trịnh trọng báo chú tối chuẩn bị khai lễ. Lúc bấy giờ chúng tôi đang ngồi uống trà trên bộ phản cạnh cửa sổ nhìn ra sân.

Người nhà chưa nói dứt lời, chú Nghè đã vội gật mạnh đầu, tắt tã đứng dậy, y hết bộ điệu của một hành khách suýt nhớ tàu. Nhưng trước khi đi hẳn, chú quay lại nghiêm nghị bảo tôi:

— Anh sửa soạn lên cúng chứ.

Tôi lễ phép dạ và hiểu lời chú nói theo nghĩa giản dị là đình chỉ việc uống trà, lên vái mỗi bàn thờ mấy vái là xong phận sự. Và theo đẳng trật huyết thống trong lễ cúng, tôi chỉ được vào chiếu lạy sau tám vị thúc bá và huynh trưởng hiện diện. Bởi lẽ đó, nghĩ không đi đâu mà vội, tôi nán lại uống nốt tách trà Thiết quan Âm thơm ngon dẻo dề.

Lúc lên bàn thờ, người được lạy kế trước tôi vừa vào chiếu. Bên cạnh bàn thờ chính, căn giữa, chú Nghè thụng thính trong cái

áo rộng xanh, khoanh tay đứng hầu cúng và dường cũng có dụng ý kiểm soát thái độ cúng cấp của con cháu.

Vừa thấy tôi, chú xoay mặt nhìn và hỏi :

— Anh không sửa soạn cúng còn đợi đến bao giờ ?

Tôi chưng hửng. Nhưng rồi chợt nhớ mình đang vận âu phục và hiểu nghĩa câu «sửa soạn cúng» của chú Nghè là bảo tôi phải khăn đóng áo đen tràng hoàng y như chú. Nhưng ác thay, từ khi trưởng thành đến giờ tôi có sắm các món đó bao giờ đâu. Từ lâu, tôi quan niệm mọi việc, kể cả cúng cấp, quí ở tấm lòng thành. Còn mọi lễ thói khác bất quá chỉ có giá trị về hình thức thôi.

Tôi trả lời chú Nghè theo quan niệm đó :

— Thưa chú, quí ở lòng thành. Cháu cúng thế này cũng được a.

Nhưng chú cười khẩy, nói chua :

— Anh tân quá, nhưng biết ông bà có tân được như anh không.

Tôi toan cãi nhưng mùi hương trầm ngào ngạt tỏa khắp nhà như ngăn giữ không cho tôi mở mồm miêng. Lúc vào chiếu lạy vái sáu vái, tôi liếc thấy mặt chú Nghè sất lại một cách trông thật khó chịu.

Bữa cơm chiều tôi ăn mất ngon. Thái độ chú Nghè thì vẫn sa sầm, cau có. Suốt bữa cơm, chú không nói một lời.

Ăn vội mấy lưng bát, tôi tho thẩn ra ngõ. Lễ thượng tiêu xong từ lâu mà tôi vẫn một mình lang thang trước ngõ và tưởng như mình đang bắt đắc đi tá túc tại nhà nào chưa từng quen biết vậy.



Mãi đến lúc người nhà ra đóng kín các cổng ngõ để phòng mọi sự « xông đất » không vừa ý, tôi mới quay vào nhà.

Lúc bấy giờ chú Nghè đang trịnh trọng chọn tờ hoa tiên, bút lông và nghiên mực đợi đón giao thừa và khai bút đầu năm. Chú làm công việc đơn giản này với tất cả tinh thần chuyên chú. Nhìn chú loay quay với các vật dụng đó một cách vô cùng trịnh trọng trên bộ phản đặt ở căn giữa ngôi nhà thờ, tôi có cảm tưởng chứng kiến một nhà khảo cổ đang mê say công việc mình tại phòng thí nghiệm vậy.

Nơi tôi nghĩ lưng là bộ phản chái đầu tiên của ngôi nhà thờ. Vì vậy, buộc lòng tôi phải đi ngang qua bộ phản chú tôi đang ngồi... khảo cổ.

Thấy bóng tôi, chú ngước lên, sửa gọng kính rồi hỏi :

— Nãy giờ anh đi đâu ?

Tôi mừng thầm là không khí nặng nề giữa chú và tôi vừa được phá tan nhờ câu hỏi ôn tồn đượm màu thân mật đó. Ngồi ghé mép phản bên trong, tôi đáp là vừa ở ngõ vào. Chú lại hỏi ngõ đã đóng chưa, tôi lại phải đáp xong rồi. Chú gật đầu toại ý và như nói một mình :

— Phải cẩn thận thế mới được. Nếu không, bọn ba xâm vào xông đất ầu đầu năm thì giông cả năm.

Đoạn, như nhớ ra điều quan trọng chú à một tiếng và nói tiếp :

— À ! Anh là nhà văn nhà báo hẳn phải lấy khai bút đầu năm làm trọng. Mong một năm nay tốt lắm anh có sửa soạn khai bút không.

Hai tiếng sửa soạn vô tình gợi tôi nhớ lại chuyện hiều lăm

hồi chiều. Tôi cười nhẹ, lựa lời đáp xuôi cho khỏi méch lòng chú. Từ phút đó chúng tôi trở lại bầu không khí thân mật cũ.

Vì muốn vừa lòng chú mà cũng muốn tìm lại những kỷ-niệm đón chờ năm mới trong chuỗi ngày ấu thơ, tôi phần khởi nhận lời cùng ngồi uống trà đợi đón giao thừa và xem chú khai bút đầu năm.

Trong thời gian chờ đợi, chúng tôi đã nói hết các chuyện đáng nói. Bầu không khí u tịch của đêm giao thừa mỗi lúc như càng nặng nề chậm chạp thêm. Tôi che tay ngáp vặt nhiều lần. Còn chú Nghè thì vẫn tỉnh như sáo. Mãi đến lúc nhìn đồng hồ tay thấy kim chỉ mười hai giờ đúng, tôi nhẹ nhõm cả người và báo chú biết giao thừa đã đến.

Nhưng chú lắc đầu bảo :

— Chưa mà, rần đợi tý nữa.

Tôi ngạc nhiên. Vì đồng hồ tay của tôi loại tốt, chạy rất đúng. Trước khi về đây tôi đã cẩn thận so giờ với đài phát thanh. Còn chú Nghè thì có mang đồng hồ tay đâu mà dám quả quyết bảo như thế.

Tôi buột miệng nói :

— Thừa chú, đồng hồ cháu chạy đúng lắm. Không sai đồng hồ đài quá mười giây.

Nhưng chú Nghè vẫn lắc đầu cười bảo :

— Nó đúng với anh thì có. Tôi có cách khác.

Đặng, chú giải thích cho biết, giao thừa những năm vừa qua, chú lấy chuông chùa làng làm đích. Vì nhà sư trụ trì ở chùa rất giỏi về «Dịch» bấm giờ không cách gì sai. Bây giờ chuông chùa chưa giống lên thì chú phải đợi. Chú không thể bỏ niềm tin đó. Dù có đồng hồ nào tốt đến đâu vẫn không thể làm chú thay đổi định kiến cũ.

Nhớ lại chuyện cúng cấp hồi chiều, tôi lại đành làm thỉnh.

Một lát sau, chuông chùa ngân vang, nhìn đồng hồ, kim chỉ mười hai giờ mười tám phút.

Đúng lúc đó, bỗng ngoài ngõ vang vào tiếng gọi tới tấp.

Chú Nghè giận lắm nhưng vẫn cố nén. Chú bảo tôi xuống biểu người nhà ra ngõ đuổi kẻ gọi cửa không đúng lúc và đến lễ trang Tiên sư làm lễ đón giao thừa và khai bút đầu năm.

Phút sau người nhà vào báo cho biết kẻ gọi cửa đáng trách đó là xã Thieu, nhà ở cuối xóm. Vì vợ y bị bệnh động kinh từ lâu, giờ đang làm kinh nặng nên y liều lĩnh lên gọi cửa xin mượn cái sừng Tây Ngu của chú tôi về cứu vợ.

Tôi không quen biết xã Thieu vì xa quê từ nhỏ. Nhưng cái sừng Tây Ngu thì tôi biết rõ lắm. Nó là gia bảo của ông nội tôi để lại đã چرا làm hai, thầy tôi giữ một nửa và chú Nghè một nửa. Loại sừng quý này có khả năng cứu các bệnh kinh phong rất thần diệu.

Lúc nghe tên người nhà vào báo lý do gọi cửa của xã Thieu, chú Nghè ngừng tay khai bút, trừng mắt mắng :

— Mi không biết giờ này là giờ gì à ? Ra đuổi nó về.

Tên người nhà lùi ra sân.

Tôi can thiệp, khuyên chú tôi nên cho Xã Thieu mượn cái sừng Tây Ngu. Nhưng tôi chưa dứt lời, chú trợn mắt nói như quát :

— Anh ăn nói hay nhỉ ? Anh không biết xã Thieu là hạng người gì à ?

Tôi chưa kịp phản ứng, chú Nghè lại nói luôn một hơi :

— Hân là tên bắt gà, trộm măng nổi tiếng. Hân là loại đầu trộm

đuôi cướp chưa thành án. Thường nhật tôi vẫn thương tình cho mượn, Nhưng bây giờ là đầu năm. Hừ! Nhất niên chỉ kể tại ư xuân, nhất nhật chỉ kể tại ư đầu. Anh có hiểu cái lẽ ấy không mà bảo tôi mở tủ lấy của cho kẻ trộm đầu năm ?!

Tôi cứng họng, nhưng chỉ cứng vì thái độ giận dữ của chú tôi thôi. Còn lý lẽ từ chối đó tôi vẫn xem là vô lý, tàn nhẫn. Vì vậy, cuộc cãi vã bắt đầu và xích mích giữa chúng tôi lại tái diễn một cách trầm trọng gấp bội hồi chiều.

Rốt cuộc, chú tôi giận dữ bỏ đi năm, nhất quyết không chịu « mở tủ lấy của cho kẻ trộm đầu năm ». Phần tôi cũng ngao ngán năm dài xuống phản thao thức chờ sáng.

Chiều mồng một tết, tôi viện lý do về thăm quê ngoại để từ giả chú Nghè. Vì bản khoản muốn biết tình trạng vợ xã Thiệu giờ ra sao, tôi xuôi về cuối xóm. Lúc gần đến cổng nhà y, tôi đã nghe văng vẳng tiếng khóc thảm. Đến ngang cổng, quả nhiên biết chắc vợ y đã chết.

Như một kẻ phạm tội, tôi cầm đầu bước nhanh qua ngôi nhà tang tóc ấy với một bản khoản khác. Tôi tự hỏi, ai chịu trách nhiệm về cái chết của vợ xã Thiệu trong ngày đầu năm. Chú Nghè, tôi, thành tích bất hảo của xã Thiệu hay một nhân vật nặc danh nào ?

HÀ-VÔ-HOÀI



KIM TRỌNG – THÚY KIỀU VÀ ROMEO – JULIET VỚI TRĂNG THÈ.

Kim Trọng và Thúy Kiều nguyện kết nghĩa với nhau, chỉ mặt trăng mà thề :

Vầng trăng vằng vặc giữa trời,
Đinh ninh hai miệng, một lời song song.
Tóc tơ căn vặn tấc lòng,
Trăm năm tạc một chữ đồng đến xương...
Trăng thề còn đó trơ trơ,
Dám xa xôi mặt mà thừa thốt lòng.

Chỉ mặt trăng thề thốt là thói quen của nam nữ luyện ái thử xưa ở Đông Phương, vì mặt trăng tượng trưng cho lòng thủy chung như nhất.

Trái lại, ở Tây Phương, ta thấy Shakespeare đặt vào miệng nàng Juliet câu này :

O, swear not by the moon, th'inconstant moon,

(O ne jure pas par la lune, la lune inconstante,)

That monthly changes in her circled orb,

(Qu'il change chaque mois son orbe circulaire,)

Lest that thy love prove likewise variable,

(De peur que ton amour ne varie comme elle.)

Ôi ! Xin chàng chớ có chỉ mặt trăng mà thề, mặt trăng là cái giống vô thường, vô định,

Tháng tháng lại dời dời quĩ đạo vòng tròn,

E rằng lòng chàng sẽ giống như trăng kia hay dời, dễ dời.

Trăng hay dời dễ dời hay trăng không dời khó dời là tùy người ta theo âm lịch, hay dương lịch mà nhìn vầng trăng. Theo âm lịch, thì chẳng có gì đúng hẹn bằng trăng, bởi cứ rằm tới thì trăng tròn và sau rằm thì trăng khuyết. Mỗi người đều có thể biết được định kỳ của trăng : khi nào trăng non nét thanh hình như râu con ngài (nga my nguyệt), khi nào trăng tròn vằng vặc hình như chiếc bánh xe (hạo hạo không trung cô nguyệt luân). Như vậy thì còn có gì trung tín bằng trăng ? — Tuy nhiên nếu theo Dương lịch mà nhìn trăng thì lại thấy khác hẳn, vì chẳng có gì thất thường, bất định cho bằng trăng. Mỗi tháng đều có ánh trăng chiếu rọi, nhưng vành trăng xuất hiện bất ngờ khác nào như tên ẩn trộm.

CHIẾN TRANH

VÀ

HÒA BÌNH NGUYÊN TỬ

NGHIÊM NGHỊ thuật

«Chỉ có một phương thuốc phù hợp với chiến tranh nguyên tử đó là hòa bình nguyên tử. Tôi cho rằng đó là một nền hòa bình phù hợp với thời đại của chúng ta, một nền hòa bình phát ra tính lực như một trái bom nguyên tử, bụi phóng xạ cũng đưa đi xa như bụi trái bom đã reo rắc hoang mang cho chúng ta, nhưng bụi đó đem lại thái bình và trật tự.»

Hồng Y Giáo Chủ Feltin

Chiến tranh tiếp diễn tại Việt Nam, Congo, Chypre. Những vụ tranh chấp địa phương đó luôn luôn có thể trở thành mối đe dọa cho nền hòa bình thế giới — năm 1962 người ta đã chứng kiến sự kiện ấy ở Cuba. Mối đe dọa của chiến tranh nguyên tử đã hiển nhiên; có một số người chủ trương một nền hòa bình căn cứ vào sự quân bình lực lượng quân sự.

KIM TRỌNG – THÚY KIỀU VÀ ROMEO – JULIET VỚI TRĂNG THÈ.

Kim Trọng và Thúy Kiều nguyện kết nghĩa với nhau, chỉ mặt trăng mà thề :

Vàng trăng vàng vạc giữa trời,
Đỉnh ninh hai miệng, một lời song song.
Tóc tơ căn vặn tác lòng,
Trăm năm tạc một chữ đồng đến xương...
Trăng thề còn đó trơ trơ,
Dám xa xôi mặt mà thừa thốt lòng.

Chỉ mặt trăng thề thốt là thói quen của nam nữ luyện ái thưở xưa ở Đông Phương, vì mặt trăng tượng trưng cho lòng thủy chung như nhất.

Trái lại, ở Tây Phương, ta thấy Shakespeare đặt vào miệng nàng Juliet câu này :

O, swear not by the moon, th'inconstant moon,

(O ne jure pas par la lune, la lune inconstante,)

That monthly changes in her circled orb,

(Qu'il change chaque mois son orbe circulaire,)

Lest that thy love prove likewise variable,

(De peur que ton amour ne varie comme elle.)

Ôi ! Xin chàng chớ có chỉ mặt trăng mà thề, mặt trăng là cái giống vô thường, vô định,

Tháng tháng lại dời dời quĩ đạo vòng tròn,

E rằng lòng chàng sẽ giống như trăng kia hay dời, dễ dời.

Trăng hay dời dễ dời hay trăng không dời khó dời là tùy người ta theo âm lịch, hay dương lịch mà nhìn vàng trăng. Theo âm lịch, thì chẳng có gì đúng hẹn bằng trăng, bởi cứ rằm tới thì trăng tròn và sau rằm thì trăng khuyết. Mỗi người đều có thể biết được định kỳ của trăng : khi nào trăng non nét thanh hình như râu con ngài (nga my nguyệt), khi nào trăng tròn vằng vặc hình như chiếc bánh xe (hạo hạo không trung cô nguyệt luân). Như vậy thì còn có gì trung tín bằng trăng ? — Tuy nhiên nếu theo Dương lịch mà nhìn trăng thì lại thấy khác hẳn, vì chẳng có gì thất thường, bất định cho bằng trăng. Mỗi tháng đều có ánh trăng chiếu rọi, nhưng vành trăng xuất hiện bất ngờ khác nào như tên ẩn trộm.

CHIẾN TRANH

VÀ

HÒA BÌNH NGUYÊN TỬ

NGHIÊM NGHỊ thuật

«Chỉ có một phương thuốc phù hợp với chiến tranh nguyên tử đó là hòa bình nguyên tử. Tôi cho rằng đó là một nền hòa bình phù hợp với thời đại của chúng ta, một nền hòa bình phát ra tính lực như một trái bom nguyên tử, bụi phóng xạ cũng đưa đi xa như bụi trái bom đã reo rắc hoang mang cho chúng ta, nhưng bụi đó đem lại thái bình và trật tự.»

Hồng Y Giáo Chủ Feltin

Chiến tranh tiếp diễn tại Việt Nam, Congo, Chypre. Những vụ tranh chấp địa phương đó luôn luôn có thể trở thành mối đe dọa cho nền hòa bình thế giới — năm 1962 người ta đã chứng kiến sự kiện ấy ở Cuba. Mối đe dọa của chiến tranh nguyên tử đã hiển nhiên; có một số người chủ trương một nền hòa bình căn cứ vào sự quân bình lực lượng quân sự.

Đức Giáo Tông Phaolô VI lên án chủ trương ấy. Đã đến lúc người Công giáo phải cấp bách nêu gương thiện chí, tìm những biện pháp hữu hiệu để tránh thảm họa chiến tranh. Đề tài này được mang ra thảo luận trong cuộc hội thảo quốc tế của Phong Trào Công Giáo Vận Động Hòa Bình Pax Christi tổ chức tại Bois-Le-Duc mùa thu năm 1964. Cuộc hội thảo này đánh dấu một giai đoạn quan trọng nghiên cứu các vấn đề chiến tranh và hòa bình ở thời đại nguyên tử. Phong Trào Pax Christi đã theo đuổi công cuộc này từ lâu, năm 1958 đã xuất bản cuốn sách: **Nguyên tử phụng sự hay hủy diệt nhân loại.**

Đã có những cuộc hội thảo tại Louvain năm 1958 về kỹ thuật và hòa bình; tại Genève năm 1960 về tiến hóa và hòa bình; cuộc hội thảo về chiến tranh và hòa bình ở thời đại nguyên tử tiếp tục sự hoạt động của Phong Trào, đúc kết tư tưởng của triết gia và thành quả của các chiến sĩ hòa bình. Hơn nữa 250 hội viên thuộc đủ thành phần xã hội: giáo sĩ, giáo dân, thanh niên, chuyên gia, chiến sĩ của Phong Trào đại diện cho 22 quốc gia trên thế giới, đã cùng nhau thảo luận đề nêu lên mọi cạnh khía của vấn đề nóng hổi của nhân loại đang sống trên đầu sợi lửa bỏng. Và dưới đây là những diễn biến của cuộc thảo luận ấy.

Thức tỉnh lương tâm nhân loại

Đức Hồng Y Alfrink, chủ tịch hội Pax Christi Hòa Lan, khai mạc đại hội. Sau khi chào mừng đại hội, giáo chủ ngỏ

lời khen tặng Đức Hồng Y Feltin đã giúp hội viên Pax Christi những căn bản triết lý và thần học vững chắc và lành mạnh để làm nền tảng lý thuyết cho cuộc vận động hòa bình.

Cuộc vận động phải cố gắng ngăn cản chiến tranh và xây dựng hòa bình, thức tỉnh lương tâm nhân loại, tìm những đường lối gây thiện cảm giữa mọi người và giữa các dân tộc. Tuy nhiên cũng cần phải hiểu rằng mình có thể vì nhiệt thành với hòa bình quá mà thâm định quá đáng sự đe dọa và những hình ảnh thảm khốc của chiến tranh nguyên tử để gây hoảng hốt hoang mang ; những xúc động tâm lý tập thể như thế có thể gây ra những phản ứng không thể ước lượng được tầm quan trọng.

Ông Marijnen, thủ tướng Hòa Lan, nhắc lại những lời nói của cố Tổng thống Kennedy về hòa bình :

« Ở đây nên gạt bỏ tinh thần chủ bại vì vấn đề chúng ta phải đối phó là vấn đề nằm trong phạm trù nhân loại. Bởi vậy chúng ta phải giải quyết cho dứt khoát chứ không thể thoái thác trốn tránh được. Các nhà cầm quyền cũng như dân chúng mỗi ngày có thêm hy

vọng không chế được vũ lực nghĩa là có thể đạt được hòa bình. Thông điệp *Pacem in Terris* là nền tảng để xây dựng một nền hòa bình cho thế giới. Người Kitô giáo phải hành động vì bức thông điệp của Đức Giáo Tông Gioan XXIII chỉ đề ra những nền tảng mới để thiết lập một cộng đồng thế giới ngày mai một cách thực tế, chứ không đưa ra những giải pháp sẵn sàng, do đấy, thông điệp của ngài đưa ra trở thành văn kiện chết nếu người ta không biết sử dụng.

Giáo chủ Alfrink xác định một lần nữa thiên chức của Thánh Hội đối với thời cực và hòa bình thế giới. Sự cố gắng trên mọi phương diện để thực hiện hòa bình chỉ có thể đem lại kết quả nếu người ta chịu tôn trọng một vài nguyên tắc :

— Phải thực tế, không nên lăm lăm hòa bình với chủ bại, hòa bình với bất cứ giá nào, không nên đòi hỏi các cường quốc phải phá hủy ngay hoàn toàn các kho vũ khí nguyên tử và từ bỏ hết mọi chiến lược

tranh chấp hiện thời. Nhưng đòi hỏi thái quá như vậy không thực tế, hoàn toàn vô ích và chỉ có giá trị tuyên truyền mà còn có hại vì làm quần chúng lạc hướng nhận định khiến cho công cuộc vận động hòa bình thêm khó khăn.

— Phải hữu hiệu hoá những kết quả thu lượm được, nghĩa là tìm phương thức áp dụng vào các lãnh vực dân sự, quân sự, xã hội, chính trị và tinh thần để thực hiện một tổng hợp để hòa bình.

— Phải tranh đấu tích cực. Chiến sĩ hòa bình không thể thỏa mãn với lời nói suông lên án chiến tranh, mà phải hết sức hoạt động để ngăn cản chiến tranh, phải « khai chiến với chiến tranh », bóp nghẹt tranh chấp vũ lực từ trong trứng nước. Dưới thời nguyên tử, hòa bình cũng phải có bộ mặt nguyên tử tích cực và nổ tung, đó là tinh thần bản thông điệp *Pacem in Terris*.

Thời đại nguyên tử

Trước hết nên nghiên cứu

các vấn đề phức tạp kế tiếp nhau xảy ra nhiều quá khiến dân chúng không thể lý hội được kịp thời. Với thời đại nguyên tử, nhân loại bước vào một thời đại tối tăm. Thử hỏi bây giờ ta có thể xác định được chiến tranh thế nào là tự vệ và thế nào là tấn công chẳng? Bây giờ còn xác định được biên giới giữa mục tiêu hòa bình và mục tiêu quân sự của một phát minh khoa học chẳng? Đó là lập luận của ông Alastaire Buchan, giám đốc viện nghiên cứu chiến lược Luân Đôn. Ông nhắc lại sự nguy hiểm của tình trạng thỏa hiệp chênh vênh căn cứ vào quân bình lực lượng võ trang. Chiến tranh có thể xảy ra bất ngờ. Sự quân bình lực lượng võ trang có thể bị phá đi nếu xuất hiện một loại khí giới mạnh hơn (thí dụ có thứ binh khí gì trừ được tiềm thủy đình gần hỏa tiễn Polaris bây giờ là thứ binh khí chưa có thứ gì công phá được). Vũ khí nguyên tử xuất hiện ở thời đại chúng ta, có tính cách một yếu tố trong phương trình tiến triển của

thế giới ngày nay. Chúng ta bước vào thời đại nguyên tử, chúng ta không thể đặt nhiều vấn đề trong phạm vi quốc gia mà phải suy tưởng trên bình diện quốc tế.

Hạn chế việc sử dụng vũ khí nguyên tử

Cha Coste, giáo sư Đại Học Viện, trình bày tư tưởng hòa bình của Đ.G.T. Pio XII và Gioan XXIII.

Đ. G. T. Pio XII đã chứng kiến những cuộc tàn sát kinh khủng trên thế giới. Dưới các chế độ độc tài vô đạo, từng vùng rộng mênh mông đã biến thành những trại tập trung, những lò sát sinh khổng lồ. Đ.G.T. Pio XII đã nhận thấy nhiều khi bạo lực trừ được bạo lực, ngài thừa nhận sự chánh đáng của những cuộc kháng cự tập thể bằng vũ lực, nhưng giới hạn trong những điều kiện đạo lý nhất định. Đối với khí giới nguyên tử ngài cho rằng cũng phải áp dụng những nguyên tắc đã áp dụng cho vũ khí cổ điển, nghĩa

là giới hạn trong trường hợp tự vệ, mà phải sử dụng cách nào không gây tai hại lớn và phải bảo vệ sinh mệnh thường dân không tham dự vào cuộc chiến đấu. Như vậy lập trường của Thánh Hội đối với vũ khí nguyên tử thật là rõ ràng minh bạch. Ngài không lên án toàn thể mọi trường hợp sử dụng vũ khí nguyên tử, nhưng hạn chế việc sử dụng, dù trong trường hợp bị một kẻ xâm lăng dùng nó để uy hiếp mình.

Cha Coste đặt vấn đề đề kháng tinh thần. Cha nói « hình thức kháng cự tập thể này chỉ vận dụng phương tiện tinh thần, là hình thức nhân đạo, can đảm, chính thống và hợp với tinh thần phúc âm hơn cả ».



Cha Coste đã nói đến bức thông điệp của Đ. G. T. Gioan XXIII tiếp diễn và bổ túc bức thông điệp của Đ.G.T. Pio XII. Xin nhắc lại câu thứ 127 trong *Pacem in Terris* : « Đối với loài người, không thể nào nghĩ rằng

QUYẾT ĐỊNH CỦA PHONG TRÀO PAX CHRISTI

Phong trào Công giáo vận động cho hòa bình Pax Christi hội nghị tại Bois Le Duc ngày 8, 9 và 10 tháng 9 - 1964 đã chấp thuận những quyết nghị sau đây :

— Phong trào Pax Christi vui mừng mà xác định việc chấp nhận thông điệp *Pacem in Terris*. Bức thông điệp này đã có tiếng vang mạnh mẽ trên thế giới, bởi vậy không thể trở thành vấn kiện chết.

— Pax Christi tin tưởng rằng thi hành những nguyên tắc của bức thông điệp *Pacem in Terris* là điều kiện tối cần cho cuộc sinh tồn và phát triển của nhân loại.

— Hòa bình không phải chỉ là một nét riêng của mỗi liên lạc riêng giữa con người và Thượng Đế, hòa bình còn là một điểm phúc tối thượng của trần gian. Bởi vậy hòa bình cần được thể hiện trên các cơ cấu cộng đồng thế giới. Muốn đạt được mục tiêu ấy mọi người phải góp phần vào công cuộc cải tiến những cơ cấu chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa theo nguyên tắc hòa bình.

— Dưới thời đại nguyên tử, thế giới tiến đến thống nhất trên thực tế, chiến tranh không còn là một phương tiện thích hợp để đòi lại những quyền lợi bị xúc phạm.

— Vũ khí tối tân có thể gây ra những hậu quả không kiểm soát được, bởi vậy cần phải lần lượt chặn đứng vũ trang bình bì, tài giảm vũ khí chiến tranh, loại bỏ các khí giới nguyên tử, vi trùng và hóa học để tiến tới sự giải giới toàn diện.

— Phong trào Pax Christi ghi nhớ tất cả những cố gắng hướng về mục tiêu ấy và kêu gọi các chánh khách nên kiên nhẫn theo đuổi mục đích để xúc tiến phong trào giải giới.

— Xét rằng trong hiện tình thế giới, kẻ nào dùng vũ khí nguyên tử để tiêu diệt địch là cũng tự tiêu diệt, người ta có những nguồn hy vọng mới để cố gắng giải giới, bởi vậy Phong trào cho rằng việc

giải giới toàn diện là một mục tiêu chính yếu rất thiết thực.

Muốn bài trừ chiến tranh và xây dựng một nền trật tự hòa bình, Pax Christi xin nhắc lại: cộng đồng thế giới phải được thành lập. Nền tảng tổ chức đặt trên tinh thần liên đới nhân loại và tinh thần bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền; sự ưu tiên dành cho những vấn đề khẩn thiết như đói rét của nhân loại.

— Sự liên đới ấy đòi hỏi những nước được ưu đãi thỏa hiệp với nhau cũng cố gắng giúp đỡ các nước hậu tiến bằng một chính sách trợ giúp đa phương.

— Ngày nay những vấn đề chiến tranh và hòa bình cũng như những vấn đề mở mang và phát triển đều có kích thước quốc tế, bởi vậy không thể giải quyết được nếu không có một tổ chức thế giới quyền hạn rộng rãi và phương tiện hữu hiệu.

— Pax Christi chấp nhận Liên Hiệp Quốc và các tổ chức chuyên môn phụ thuộc là một giai đoạn thực hiện quan trọng để đi tới một tổ chức công quyền quốc tế. Phong trào kêu gọi hội viên và hết thảy mọi người thiện chí nâng đỡ những tổ chức ấy và tăng cường hiệu lực của những hoạt động Liên Hiệp Quốc. Cần phải tạo ảnh hưởng trong dân chúng và bài trừ những quan niệm quốc gia nào cản trở sự tiến triển của Liên Hiệp Quốc và làm cho dân chúng không ý thức được rằng một nền hạnh phúc phổ biến đòi hỏi những điều kiện nào về ý thức quốc gia.

— Theo tinh thần thông điệp *Pacem in Terris*, phong trào Pax Christi tuyên bố tin tưởng ở giá trị tích cực của sự hợp tác giữa những người công giáo và giữa người công giáo với người không theo công giáo để phục vụ hòa bình.

nên chọn chiến tranh làm phương tiện thích hợp để đòi hỏi những quyền lợi bị tước đoạt». Đức Giáo Tông Gioan XXIII không cấm đoán những cuộc đề kháng chống xâm lăng bằng vũ khí cũng không lên án trên phương diện lý thuyết toàn thể việc sử dụng vũ khí nguyên tử. Ngài không cần có lập trường quyết liệt. Tư tưởng của ngài rất khoáng đạt. Trước mắt ngài hiện ra hình ảnh một thế giới hoang tàn vì khí giới nguyên tử. Một cuộc tàn phá khủng khiếp như thế làm sao mang lại được công bình bác ái trên trái đất này? Hẳn là các nhà đương cuộc cũng nghĩ đến cách sử dụng tiết chế và hợp lý phần nào, nhưng liệu họ có giữ được bình tĩnh, có làm chủ được tình thế đề khí giới nguyên tử là một phương tiện ngoan ngoãn hay là rồi cũng không kiểm soát nổi một sức mạnh chính mình tạo ra, như các nhà kỹ nghệ tạo ra kỹ nghệ đề rồi bị máy móc và kỹ nghệ thống trị! Các nhà tâm lý học bị quan tâm. Ngài muốn gợi cho nhân

loại một lời nhắn nhủ tối hậu, ngài kêu gọi lương tri của mọi người, khi tình thế chưa đến nỗi tuyệt vọng. Dưới thời đại nguyên tử, cần phải làm tất cả để xây dựng lương tri cho người đời hơn lúc nào hết.

Cha Coste thực đã cố gắng tổng hợp một chủ thuyết của Công giáo về chiến tranh và hòa bình trong sự ý thức những vấn đề đặt ra hiện thời.

Đi tới hình thức xã hội tương lai

Cha Dubarle, giáo sư Đại Học viện công giáo Ba Lê, đề cập đến những vấn đề triết lý xã hội và thần học cò truyền dưới thời nguyên-tử. Cha là một «đứa con của Thánh Hội dựa vào ánh sáng của tín đức, ái đức, và vọng đức để suy ngẫm về hòa bình trong thực trạng thế giới hiện đại và tương lai». Nhân danh những nhu cầu của thời nay mà xét định thần học thời trước thì thật là vô lý. Thuở trước mối liên lạc giữa các quốc gia được quan niệm là một cuộc

tranh chấp hay thỏa thuận giữa những nước chỉ biết có quyền lợi riêng của mình còn thì mặc thây thiên hạ sống chết. Không có một quyền hành nào ở trên chủ quyền quốc gia, không có một cơ quan trung ương nào có thể can thiệp một cách hữu hiệu để bớt tham vọng của những nước được ưu đãi. Giữa một thế giới như vậy, một quốc gia có quyền và có bổn phận thành lập một lực lượng quân sự đủ hiệu lực để tự vệ. Cần phải cấp bách ôn lại dĩ vãng để hiểu rõ trong tương lai đang thành hình.

Trong tương lai, một hình thức xã hội mới có kích thước toàn cầu sẽ thay thế cho những xã hội giới hạn trong phạm vi quốc gia biệt lập và tương tranh ngày nay. Xã hội ấy hướng về sự viên thành của thế gian và chỉ có thể đạt được nếu toàn thể các quốc gia cùng hợp thành một cơ thể duy nhất như một vật sinh động, các cơ năng hô hấp, tuần hoàn, tiêu hóa, bài tiết đều liên hệ đến hết thảy các tế bào.

Các quốc gia liên đới với nhau như các cơ quan trong một sinh vật, không còn những cuộc tranh chấp lẻ tẻ. Võ lực không còn là một phương tiện khôn ngoan để tự vệ và đòi hỏi quyền lợi bị tước đoạt. Người ta chế ra bom nguyên tử để gây ra hậu quả bất ngờ, không dùng được vì dùng nó thì có nghĩa là tự sát. Mặt khác sự phát triển không đồng đều của nhân loại đặt ra vấn đề liên đới trên bình diện toàn cầu. Làm sao đáp ứng được tình trạng mới mẻ này? Đây là cả một vấn đề chủ quyền quốc gia phải giải quyết. Hy sinh chủ quyền quốc gia để chấp nhận một quyền siêu quốc gia duy nhất cho cả thế giới là điều hình như chưa ai muốn, nhưng chính vì thiếu một quyền hành như thế để bảo đảm được ổn cố, an ninh cho các nước chịu giải giới cho nên vấn đề giải giới gặp những trở lực lớn lao.

Vấn đề liên đới và cộng đồng thế giới

Vấn đề quan trọng nhất của

thời đại có lẽ là vấn đề các nước hậu tiến. Ông Auguste Van Istendael, tổng thư ký L.H. N.D. công giáo quốc tế, đã căn cứ vào hai bức thông điệp của Đức Giáo Tông Gioan XXIII đề trình bày vấn đề các nước hậu tiến. Công bình xã hội không còn là một vấn đề có thể giải quyết trên bình diện quốc gia giữa các giai cấp xã hội, mà phải giải quyết trên bình diện quốc tế giữa các quốc gia quá chênh lệch về kinh tế và kỹ thuật. Nhưng tạo ra quân bình kinh tế chưa đủ, còn phải tạo điều kiện để loài người tiến triển và phát huy theo bản chất cá biệt của mỗi người.

Hòa bình trước hết là một vấn đề công bình, ông đã từng cộng tác với tư cách đại diện nghiệp đoàn với các nước hậu tiến và nhận thấy vắng mặt người công giáo trong các tổ chức quốc tế, ông khuyến khích họ tham gia vào công cuộc phát triển xã hội ở các nước hậu tiến.



Sau cùng, bác sĩ W. Schuijt,

phó chủ tịch hội Pax Christi Hòa Lan, trình bày hoạt động của chi nhánh Hòa Lan.

Thánh Hội đã đem lại cho thế giới ngày trước những giáo lý cao trọng, song những giáo lý ấy có thể không còn phù hợp với nhu cầu của xã hội ngày nay. Ngày nay tôn giáo tách rời khỏi chánh quyền, Thánh Hội không có những quyết định cụ thể về các vấn đề xã hội (dưới hình thức luật pháp, định chế), người công giáo càng không ý thức được tính cách hợp thời hay không hợp thời của giáo lý. Tách rời tôn giáo khỏi chánh quyền không có gì đáng than phiền, mà trái lại rất đáng mừng, tuy nhiên tình trạng ấy đòi hỏi người công giáo phải tự đương lấy trách nhiệm về kiếp sống trần gian.

Theo tinh thần bức thông điệp *Pacem in Terris* thì dưới thời nguyên tử, chiến tranh dưới hình thức nào cũng không còn lý do chánh đáng nữa. Công việc khẩn cấp ngày nay là xây dựng một thế giới hòa bình.

Hướng về mục tiêu ấy, nên khuyến khích mọi cố gắng giải giới dù chỉ đạt được những kết quả khiêm tốn, và tiến lần đến việc đặt vũ khí nguyên tử ra ngoài vòng pháp luật. Phong trào Pax Christi không chấp nhận quan niệm giải giới là một không tưởng, trái lại tin rằng mục đích ấy có thể đạt được trên thực tế. Cuộc vận

động cho hòa bình trong một thế giới dị biệt nhau về ý thức hệ và quyền lợi chỉ có thể thành tựu nếu người công giáo cộng tác với mọi người trên nguyên tắc những cuộc đối thoại mà Đức Giáo Tông Phaolô VI xác định một lần nữa trong bức thông điệp đầu tiên của ngài là thông điệp *Ecclesiam Suam*.

LỜI NGỌT

Nói ngọt lọt đến xương (Tục ngữ)

Câu này tương hợp với hai câu theo hai nghĩa khác nhau trong Thánh Kinh :

Lời kẻ nịnh nọt, bợ đỡ là của ngọt bùi, lọt xuống tận đáy ruột :

Les dires du délateur sont de friands morceaux qui descendent jus qu'au fond des entrailles. (Pr. 18, 8)

Lời êm ái là một ong làm cho vị giác được ngọt ngào và thân thể được bồi bổ :

Les aimables propos sont un rayon de miel : doux au palais, salutaires au corps. (Pr. 16, 24)

HIỆN TÌNH KITÔ GIÁO TẠI ẤN-ĐỘ

Valerian Cardinal Gracias

Tổng Giám Mục Bombay

NGUỜI Kitô giáo hiện nay là khối thiểu số đứng hàng thứ hai của Ấn Độ. Toàn dân số Ấn Độ gồm chừng 400 triệu, 12 triệu theo Kitô giáo, trong số có ngót 6 triệu theo Công giáo La mã. Người Kitô giáo ở rải rác khắp nơi trong xứ Ấn Độ, song phần lớn tập trung vào miền Nam và dọc theo miền duyên hải phía Tây.

Mặc dù xuất bách phân ít ỏi được có 2,5 % đối với toàn dân, đám người Kitô giáo giữ được một địa vị rất quan trọng đối với tỷ lệ dân số. Đó là nhờ bởi Kitô giáo có những cơ sở giáo dục và xã hội, tuy khai thủy mở ra cho người Kitô giáo, nhưng cũng thu nhận hết mọi người, không phân biệt giai tầng hoặc tôn giáo. Hiện nay trong toàn quốc có 56

Học viện Công giáo và trên 550 trung học đường Công giáo; các cơ sở này chẳng những đã đào tạo cho Giáo hội Ấn những cấp lãnh đạo công giáo anh tuấn mà còn sản xuất ra được những công dân hiền lương, cung cấp cho quốc gia những bức chỉ huy, dẫn đầu trong cả hai khu vực công tư. Công trình kiến tạo học đường và học viện của Giáo hội Công giáo Ấn đã đóng góp vào tiến bộ dân chính và văn hóa Ấn một phần thực lớn lao, không phần đóng góp của giáo hội nào sánh kịp.

Ki tô giáo là một trong những tôn giáo cổ hũu của Ấn nên có tính chất « Ấn » như bất luận tôn giáo nào khác, Ấn độ giáo, phật giáo và Hồi giáo. Ấn độ du nhập Ki tô giáo từ đời thánh Thomas tông đồ, triển dương mạnh nhất tại miền Nam, cho tới khi các nhà truyền giáo ngoại quốc tới vào hồi thế kỷ mười sáu thì tràn qua miền Tây và miền Bắc. — Ki tô giáo đã lần lần chinh phục

được toàn dân Ấn và hết mọi vị nguyên thủ, kể từ cựu Tổng thống Rajendra Prasad và cựu thủ tướng Nehru, ai nấy đều coi Ki tô giáo là một thành phần quan trọng cự đại trong cộng đồng quốc gia và văn hóa Ki tô giáo thủ vai ưu việt trong di sản tinh thần Ấn. Nhân buổi lễ kỷ niệm ngày Thánh Thomas đặt chân lên đất Ấn, Pandit Nehru tuyên bố: « Mọi tôn giáo, mọi tín ngưỡng và mọi tổ chức biểu bạch tín ngưỡng hiện có tại Ấn đều thuộc về của Ấn và mọi người chúng ta đều có quyền coi mình đã có phần đóng góp vào di sản chung của tổ quốc. Sự kiện một tôn giáo hay một chân lý xuất phát từ một quốc gia khác không khiến cho tôn giáo hay chân lý ấy phải mang danh là ngoại lai. Chân lý là chân lý; dù nó ở đâu tới cũng vậy ». Người công giáo Ấn chung hưởng bình đẳng với người các tôn giáo khác về mọi quyền lợi dân chính. Người Công giáo có

mặt tại quốc hội lập pháp trung ương hoặc địa phương, góp tiếng nói của mình tại các hội đồng hàng xã, hàng tỉnh. Họ cũng chiếm những địa vị cao trong quân đội, trong các cấp hành chính và tư pháp. Người Công giáo là thiểu số mà gây được những thành tích như vậy, đó thực là điều làm vinh dự cho họ mà cũng đồng thời là điều minh chứng chính quyền Ấn đã biết tỏ ra rất mực công bình và ngay thẳng đối với họ.

Nước Ấn độc lập, ngay từ thuở đầu, đã tuyên cáo nhất quyết bảo vệ tự do hoàn toàn cho toàn dân. Do vậy, khi có cuộc soạn thảo Hiến Pháp, người Ki tô giáo đã từ bỏ các đặc quyền, đặc vị dành riêng cho các phe nhóm thiểu số và tự ý hòa mình vào với toàn thể cử tri để tiến hành một cuộc tranh cử trên cùng một căn bản bình đẳng với mọi người, cốt gây mối thống nhất chính trị. Các nhà

lãnh đạo các đảng phái liền tỏ một thái độ rất chân chính đề đáp lại, họ tuyên bố bảo đảm tự do tôn giáo và giáo dục cùng hết mọi quyền lợi thiểu số cho người công giáo. Nhà nước thiết lập quan hệ ngoại giao với Tòa Thánh và Đại Diện Tòa Thánh được nâng lên hàng Đặc sứ Giáo Tông (Nonciature). Giáo Hội Ấn được tự do tiếp đón các giáo sĩ thừa sai; các vị giáo sĩ nầy khởi sự được đi vào các miền oải địa xưa kia đặt dưới quyền đô hộ của người Anh. Hiện nay không những hết mọi nỗi e ngại về sự ngược đãi giáo dân đã trở nên vô căn cứ trong nước Ấn độc lập, mà quốc dân ai nấy cũng đều thấy phát hiện ra trước mắt một kỷ nguyên phồn thịnh tôn giáo chưa từng thấy trong lịch sử.

Chính phủ trước đây dù đã có lần thi hành một chính sách hạn chế sự xuất nhập của các giáo sĩ thừa sai ngoại quốc, song khi thi hành, chính phủ ấy đã từng tuyên bố trước sau nhiều bận rằng sự hạn chế

không căn cứ trên lý do tôn giáo mà trên lý do chính trị, xã hội và kinh tế. Tuy nhiên, việc từ khước chiếu khán giấy thông hành cho các giáo sĩ thừa sai ngoại quốc nhập cảnh đã gây ra khá nhiều xáo trộn trong các cơ sở và công cuộc từ thiện công giáo. Do đấy các vị cầm đầu Giáo hội Ấn vẫn tiếp tục lên tiếng kháng nghị với chính quyền Ấn để các giới hữu trách thi hành chánh sách khoan đại hơn và để cho tiếng nói của giáo dân Ấn đạt tới tai mắt của các giới trên. Gần đây, chính sách mới dường như đã bắt đầu có hiệu quả. Năm 1958 và 1959, 75 visas được chấp thuận và 18 bị từ chối. Năm 1960 trong số 190 đơn, 128 được chấp thuận, 50 bị từ chối và 12 còn đang cứu xét. (Tổng số giáo sĩ thừa sai ngoại quốc tại Ấn Độ tính đến tháng 8 năm 1964, đã lên 4.280, tức là gần gấp đôi. Trong cả hai trường hợp, những con số trên không bao gồm các giáo sĩ thuộc các nước

Liên Hiệp Anh). Đồng thời Giáo hội Ấn ngày càng được nhuần tính chất dân tộc hơn: trong số 5.000 linh mục, 3.000 là người Ấn, và trong số 15.000 nữ tu sĩ, có 13.000 là người Ấn. Nhờ vậy, sinh hoạt của Giáo hội tiếp tục tiến phát mạnh mẽ. Các địa phận mới tăng gia ngày càng nhiều và đều giao cho các giám mục người Ấn phụ trách; ờn kêu gọi xuất gia hành đạo, cả trong hai phái nam nữ, cũng có khá sung túc; nhiều chủng viện mới đào tạo cấp linh mục cho các địa phận cất lên khắp nơi; trường học luôn luôn được chính phủ trợ cấp; dân chúng thì sùng tín và đạo hạnh rất sâu sắc. Tóm lại Giáo hội Ấn có được một qui chế phận vị rộng rãi, tạo được một uy tín tinh thần lớn lao, hưởng được một nền tự do truyền giáo có bảo đảm vững chắc, bấy nhiêu điều thuận lợi ấy chứng minh một cách hùng hồn sách lược khoan đại và tinh thần

bao dung tôn giáo của một chính phủ thể tục và không thuộc Ki tô giáo.

Trong một nước như nước Ấn Độ mà đa số nhân dân biết biểu lộ lòng khoáng đạt đối với mọi công cuộc kiến thiết quốc gia của Giáo hội, không khỏi có một số ít người chưa tập quen được với quan niệm thiết lập một quốc gia thể tục (état laïque), vẫn khẳng khái đòi phải duy trì các cơ cấu xã hội theo lẽ thói cũ cùng quyết liệt đòi phải tiến hành mọi công cuộc kiến thiết ngoài ảnh hưởng Ki tô giáo. Thiết tưởng đó cũng là điều dễ hiểu. Duy có chỗ đáng tiếc là trong một vài địa phương, tinh thần bảo thủ ấy đã gây ra những sự biến không hay, như tại một vài vùng, các cơ quan hành chính và tư pháp từng mở ra những cuộc điều tra về hành vi của các giáo sĩ truyền giáo khiến đã vô tình tạo ra cảm hờn trong dân chúng. Tuy nhiên, chính phủ đặc biệt là cố thủ tướng Nehru,

vẫn một mực cương quyết giữ thái độ đối lập trước những cuộc vận động cực đoan đó. Trong chỉ thị gửi cho các uỷ ban Quốc Hội của nhiều tiểu bang, ông Nehru thường nghiêm khắc lên án thái độ gây hấn chống lại các giáo sĩ thừa sai Ki tô giáo, đồng thời không tiếc lời khen lao công trình các vị giáo sĩ đã thực hiện trên đất Ấn. Ông cũng đã nhiều lần tích cực can thiệp kịp thời để gỡ rối cho một số các đoàn thể Ki tô giáo gặp bước khó khăn. Chẳng hạn như lần ông can thiệp để giải cứu một phần lớn giáo dân thoát khỏi tai họa, khi người cộng sản nổi lên nắm chính quyền tại tiểu bang Kerala.

Như vậy là Giáo hội tại Ấn đã được công nhận là một yếu tố quan trọng trong cuộc sinh hoạt quốc gia Ấn. Trong các giới văn hoá, nhiều người nhìn nhận tính chất hữu hiệu của nền giáo dục tại các học đường Ki tô giáo và khả năng của các học đường này trong việc đào luyện nhân cách cho các học sinh Ấn. Một số

khá đông những người khác thì lại tỏ lòng khâm phục công cuộc từ thiện của các nữ tu sĩ Kitô giáo, như các trại cùi, viện dưỡng lão, viện cô nhi. Gần đây, một trong những vị nữ tu sĩ này, Mẹ Thérèse, nổi danh vì tình thương đối với kẻ nghèo nơi bùn lầy nước đọng, kẻ tàn tật và kẻ hấp hối, đã được ân thưởng huy chương cao nhất của quốc gia Ấn đặt ra để tri ân và tưởng thưởng những vị anh hùng đã hy sinh tính mệnh cho chính nghĩa quốc gia. Bà Mẹ Thérèse chỉ mới là một trong trăm ngàn những nữ tu sĩ khác hàng ngày vẫn âm thầm hy sinh tính mệnh để làm giảm bớt đau khổ tinh thần và vật chất trên toàn lãnh thổ Ấn.

Không có bằng chứng nào bày tỏ hảo tâm của chính phủ Liên Hiệp quốc gia Ấn và chính phủ tiểu bang Maharashtra bằng cử chỉ của hai chính phủ này đã tỏ ra trong việc giúp đỡ Giáo hội nhân dịp tổ chức Đại Hội Thánh Thể quốc tế Bombay. Nhờ gương cao đẹp của

chính phủ và các cơ quan công quyền đã nêu ra đó, có rất đông người thuộc các tôn giáo khác đã vui lòng hưởng ứng và tỏ ý muốn được tích cực tham gia tổ chức Đại Hội, cảm tình nồng hậu của họ vượt trên tường tượng lạc quan của các vị cầm đầu Giáo hội. Nếu một cơn ớn không tạo nổi mùa xuân thì một vài việc đáng tiếc xảy ra ở nơi này nơi khác trong những vùng truyền giáo mới, người Ấn Độ cũng như người ngoại quốc không nên coi là chuyện thường xảy ra luôn, rồi căn cứ vào đấy mà tự gây cho mình một ấn tượng sai lầm về thái độ của chính phủ và trình bày thành những bức họa đen tối về tình hình tôn giáo Ấn không đúng với sự thực.

(Thuật theo bài « Les Chrétiens dans l'Inde d'aujourd'hui » của Đức Hồng Y Giáo Chủ Gracías, đăng trong tạp chí Ici et Là, Revue de l'Inde et d'ailleurs, tháng 9 năm 1964)

HÃY COI CHỪNG FREUD !

CÔ LIÊU

Nói đến Freud, ta phải liên tưởng đến ảnh hưởng to rộng của ông trên nhiều lãnh vực tư tưởng như y học, xã hội học, văn học, nghệ thuật, tôn giáo v.v... có thể nói rằng hầu hết các ngành tư tưởng của thế kỷ thứ 20 đều mang vết tích những khám phá của phân tâm học. Tuy nhiên, uy tín ấy không phải là một sự kiện bảo đảm được hoàn toàn giá trị của tư tưởng Freud. Thực ra nếu kể toàn bộ tư tưởng của ông, thì điểm này có thể là những phát kiến vĩ đại, điểm kia lại có thể là những ý kiến quá đáng, có khi hàm hồ. Điều đáng tiếc là thời gian hầu như không có ảnh hưởng thanh lọc những ý kiến của Freud, các môn đệ của ông nhất định không từ bỏ một mảy may những quan niệm của thầy, họ còn tận tụy bảo vệ một cách hăng hái

cả những quan điểm sai lầm. Ta biết rằng trên phương diện học thuật, tư tưởng nào rồi cũng già đi, cần phải chấn chỉnh bồi bổ, có khi loại bỏ hẳn để thay thế bằng những phương tiện và phương pháp làm việc đầy đủ hơn, những bộ óc mới mẻ, thần khí cương cường hơn. Đối với quần chúng lại có sự lầm lẫn tai hại, lầm lẫn phân tâm học với tâm lý học hay với khoa thần kinh bệnh học mà cho rằng những khám phá của phân tâm học (psychanalyse) tượng trưng cho những tiến bộ của thần kinh bệnh học (psychi-âtrie). Do sự lầm lẫn ấy người ta cứ tưởng rằng khoa phân tâm học giải quyết được vấn đề bệnh thần kinh. Sự thật, giới y học cho biết khoa thần kinh bệnh học và khoa phân tâm học là hai khoa học khác nhau, thần kinh bệnh học có thể thấu

thái những kết quả của phân tâm học, nhưng... trái lại cũng có thể chứng minh nhiều điểm của phân tâm học viên vông và hàm hồ...

Y học ngày nay nhìn phương pháp phân tâm học với con mắt ngờ vực (đây nói phương pháp phân tâm để chữa các bệnh thần kinh), Bởi vì người ta nhận thấy dùng những phương pháp chữa bệnh khác như gợi ý, trấn an tinh thần, giáo dục, có hiệu quả hơn những buổi chữa bằng phân tâm học, bắt con bệnh ngồi thú tội và kể lại tất cả quãng đời quá khứ xa xôi.

Mặt khác, tư tưởng của Freud thâm nhiễm vào nhiều lãnh vực học vấn cũng chưa hẳn minh chứng rằng những nguyên tắc đề xướng ra đứng đắn và phổ quát. Nhiều học giả cho rằng học thuyết Freud phổ thông như vậy là nhờ tính chất mềm dẻo, nhưng nhất là nhờ khuynh hướng triết lý của học thuyết. (Nếu ta hiểu nghĩa triết lý là lấy

một vài nguyên lý cốt thiết để cắt nghĩa hết thảy mọi hiện tượng phức tạp của một lãnh vực quan sát; đối với Freud thì nguyên lý cốt thiết ấy là cái dục tính nguyên thủy, cái *libido* dựng lên làm nguyên lý sâu xa thúc đẩy mọi hành động, mọi ý nghĩ của người và loài vật thượng đẳng). Chính Freud cũng dùng nguyên lý đó để giải thích hiện tượng khảo cổ học, thần thoại học, những nghi lễ tôn giáo, những phong tục địa phương, những phát kiến văn nghệ v.v... sau đến các môn đệ của ông cũng dùng những phương pháp suy diễn phóng đại, những cách đoán già làm cho một học giả cả tinh thần phương pháp thực nghiệm phải bị quan.

Công bình mà nói, nếu Freud đem lại một luồng gió mới để mở ra cho khoa tâm lý học và nhiều khoa học khác những chân trời quan sát và tìm tòi mới, thì học thuyết của ông cũng gây ra nhiều ảo tưởng và khơi lên

một phong trào không có gì tốt đẹp, gọi là phong trào freudisme trong lãnh vực y học và văn nghệ. Danh từ freudisme vừa bao hàm một ý nghĩa châm biếm, mỉa mai vừa có nghĩa là một trào lưu tư tưởng tân kỳ. Đó là vì rất nhiều nghệ sĩ mượn tiếng Freud, mượn cách giải thích phân tâm học mà đem áp dụng một cách thô sơ vào bất cái gì làm thành một thứ văn nghệ hỗn độn bĩ lậu. Nhưng công chúng tra chuộng những «áng» văn, những cuốn phim điện ảnh thuộc loại phân tích sống sượng bĩ lậu ấy, miễn là có mùi Freud. Điều đó không lợi gì cho học thuật mà lại làm hại uy danh của Freud. Freud đã nghe theo tiếng nói nghệ sĩ trong con người ông, đã khéo sử dụng lời văn điêu luyện của ông để đem học thuyết vào lãnh vực văn nghệ. Chính việc làm của ông đã gợi lên cho nhiều văn gia, họa sĩ, điện ảnh gia nảy ra ý kiến bắt chước ông thầy. Tuy phân tâm học không có gì bí truyền, nhưng không phải là dễ

thấu thái, bởi vậy nghệ sĩ không am tường học thuyết đã chế tạo ra những món văn phẩm, họa phẩm, phim điện ảnh mệnh danh là « phân tích », là « giải thích » đáng làm cho Freud phải sửng sốt.

Di sản của Freud

Vậy Freud đã mang lại những gì cho tư tưởng và học thuật tân kỳ thế kỷ thứ 20 này ? Nếu người ta muốn lấy công bình mà chọn lựa trong số những đứa con đẻ ra của khối óc có thần khí và đầy táo tợn, phiêu lưu, mạo hiểm, người ta phải đứng trên một bình diện tổng quát chứ không thể căn cứ vào những tư tưởng xếp loại thành trường mục trong tác phẩm của ông. Sau đây là ý kiến của Quentin Ritzen, một tiểu thuyết gia Pháp kiêm y sĩ phân tâm học :

1) Freud đã chứng minh rằng một số lớn hành động và ý nghĩ của người ta bắt nguồn từ một hạ tầng cơ sở của bộ máy tâm thần, tức là phần vô thức nằm dưới phần ý thức, nâng đỡ phần ý thức ấy.

2) Ông nhấn mạnh rằng, như thể hoạt động của con người ít tùy thuộc lý trí mà phần lớn tùy thuộc tình cảm;

3) Ông đã xác định yếu tố hoàn cảnh trong sự cấu tạo tình cảm từ thời kỳ thơ ấu;

4) Dục tính là nguồn gốc tình cảm của người ta. Nhưng sự khám phá huy hoàng nhất của ông, trước cả những thần kinh bệnh học gia, là dục tính ở trạng thái tiềm tàng của đứa trẻ con.

5) Từ Freud trở đi, người ta có thể không ngượng ngập mà nghĩ rằng dù bé hay lớn, con người cũng có dục tính, người nào cũng mang sẵn trong mình những mầm rễ đồi bại,

Freud dám nhìn thẳng vào bộ mặt dục tính của con người và nói ra không cần úp mở. Sự táo tợn của ông đã gây nên một xáo động mạnh bạo trong xã hội Âu châu bấy giờ đang tự mãn sống với những cách che đậy bản chất thực của tâm tình mình. Freud đã phá đổ cái nền nếp ấy và lôi ra ánh

sáng tất cả cái gì người ta coi như bí mật thiêng liêng bất khả xâm phạm. Ông khơi động lên một cuộc sóng gió mạnh mẽ, người ta công kích, hơn thế, mạt sát ông nhưng rồi người ta lại bái phục ông. Ông chinh phục được người thời đại một cách dễ dàng quá, ông ngự trị trên lòng tin tưởng của họ, điều đó thuận lợi cho sự truyền bá tư tưởng của ông, nhưng cũng tai hại cho ông, vì công chúng chấp nhận quá dễ dàng một quan niệm về phân tâm học lệch lạc không còn gì là tinh túy học thuyết của Freud nữa, Con người thời đại thoát được cái nạn giấu giếm những sự thật về tình dục thì lại rước về một nạn khác là sự ám ảnh của một thứ thần tượng Freud, làm cho họ nhìn đâu cũng thấy libido, dồn nén, ần ứ và mặc cảm.

Về phương diện thần kinh bệnh học, tuy rằng dùng phương pháp phân tâm để chữa bệnh người ta chỉ được áp dụng trong một giới hạn nào thôi,

nhưng ta phải công nhận là Freud đã gây ra ý thức về tầm quan trọng của sự tương quan giữa người và người, hay là yếu tố xã hội trong sự cấu tạo tâm tính con người. Ảnh hưởng xã hội đến tâm tính con người rõ rệt trong trường hợp một thanh niên lấy làm gương mẫu một người cha, anh, thầy học, hay một nhân vật tiểu thuyết, một nhân vật lịch sử. Ảnh hưởng ấy có thể gọi là quyết định vì thanh niên đó sẽ giữ cá tính ấy suốt đời.

Bài học phân tích phân tâm học đã làm cho các y sĩ chú trọng nhiều hơn đến phương diện tâm lý của bệnh nhân. Cả tâm lý của ông thầy cũng tăng phần hoạt động để tìm hiểu căn bệnh nhờ ánh sáng của khoa phân tâm học.

Sự lạm dụng phát kiến của Freud trên các lãnh vực học thuật và văn nghệ

Với những phát kiến của một người có thần khí và có

những ảo ảnh mãnh liệt, ông đã mang lại cho người ta điều kiện để hiểu biết tâm lý loài người hơn trước, nhưng đối với khoa thần kinh bệnh học phân tâm học có giúp cho sự hiểu biết được sâu rộng thêm không? Khách quan mà nói, về phương diện trị bệnh cũng như về phương diện học thuật, kết quả không có gì đáng gọi là khả quan, tuy rằng phương pháp phân tâm học được coi là hữu hiệu trong nhiều lãnh vực thần kinh bệnh học. Thực ra khoa này đã tiến chậm hơn các khoa khác của y học. Trường hợp thần kinh bệnh học cũng giống như trường hợp bị nóng sốt trước khi Pasteur tìm ra vi trùng. Vi trùng học rọi ánh sáng vào để giải thích hiện tượng nóng sốt, nhưng phân tâm học của Freud không giúp điều kiện gì để hiểu biết thêm về bệnh thần kinh. Thần kinh bệnh học bây giờ vẫn là một lãnh vực tối tăm đầy bí hiểm. Về y học người ta nhận thấy trong những chỗ mà mật như thế sẽ nảy nở rất nhiều thần thoại, huyền thuyết.

Cũng có một thiểu số bác học dùng phương pháp phân tâm học một cách thận trọng. Họ có căn bản cân não thần kinh bệnh học sâu rộng, bởi vậy họ có thể tượng trưng cho trào lưu phân tâm học đứng đắn.

Nhưng còn có những y sĩ trị bệnh đã lạm dụng phương pháp của ông thầy, hầu như không đề tâm đến những vấn đề trọng đại khác mà hệ thống cân não luôn luôn đặt ra cho khoa học. Thực ra bộ máy cân não ấy còn tiềm tàng những bí mật thâm sâu trong 15 tỷ não bào có khả năng thực hiện được tới 100 tỷ cách phối hợp các mối liên lạc giữa từng nhóm giây thần kinh. Dù khoa não bào sinh lý (neurophysiologie) và khoa sinh động học (cybernétique) có tiến bộ rất mau, nhưng hy vọng tìm ra bí mật của bộ óc vẫn mù mịt. Sự hiểu biết về thần kinh bệnh học cần dựa vào thực nghiệm và chứng minh cụ thể hơn là dựa vào sự suy diễn lý thuyết. Chưa thể biết được

một phần lớn bí mật của bộ óc và của não bào mà áp dụng khoa phân học, y sĩ trị bệnh hầu như muốn lấy sở kiến nông cạn của mình để giải quyết mọi vấn đề vượt khả năng nhận định, vượt thẩm quyền của mình; do đó mà phải dùng đến cách đoán già, phóng đại, quả quyết vô bằng. Họ có ngưỡng vọng giải thích tất cả các bệnh thuộc loại bệnh thần kinh bằng lối phân tích bộ máy tâm thần (tức là phân tâm học) mà không chịu tìm nguyên do ở chỗ khác, làm như vậy là họ muốn tách biệt các bệnh thần kinh ra riêng một lãnh vực không liên hệ gì đến những bệnh khác, hơn thế, họ muốn cho thần kinh bệnh học đứng độc lập, không ở trong phạm vi y học nữa.

Thái độ ấy được nhiều học giả cho là một thái độ quá khích và không được sự tán thành của quan niệm y học đứng đắn và thận trọng.

x
x x

Người ta còn tố cáo một thái độ nguy hiểm hơn của các nhà phân tâm học đi quá trớn, là thái độ muốn đưa ý niệm phân tâm học lên địa vị một hệ thống triết lý. Thế kỷ thứ 20 là thế kỷ phát động — phải dùng chữ phát động mới thích đáng — những trào lưu tư tưởng khai phóng. Phân tâm học đem lại ý thức giải tỏa cho những sinh lực tiềm tàng của bản năng để thay thế cho những giá trị tình cảm cổ truyền bế tỏa trong những thành trì tôn giáo, phong tục tập quán, thành kiến, phần nhiều bị thực tại cuộc sống vượt qua, bởi vậy nó thích ứng lạ lùng với những khát vọng của con người thời đại. Khát vọng ấy là khát vọng vượt ra ngoài cái gì là khuôn khổ cứng nhắc với tất cả ý nghĩa tìm tự do xây dựng và phá hoại vô trách nhiệm. Người ta chỉ nhận thấy nhãn hiệu phân tâm học — đích thực hay giả mạo — trên những hình thức hội họa tân kỳ, âm nhạc,

điện ảnh, văn chương ở Âu châu và Mỹ châu trong khoảng thời gian từ 1928 đến kỳ đệ nhị thế chiến. Sau kỳ đệ nhị thế chiến ảnh hưởng ấy bắt đầu xuống, nhưng rồi chẳng bao lâu, cái gọi là « école culturaliste » của phái phân tâm học gia bên Mỹ đem lại sinh lực mới cho học thuyết, trào lưu phân tâm học trở lại hưng thịnh hơn bao giờ. Nó chiếm được địa vị gần như độc tôn trên tư tưởng, văn học, văn nghệ, quần chúng đón chào nó niềm nở, không kịp tỏ thái độ cân nhắc và phê phán.

Điều này ta có thể nhận thấy ở ngay thủ đô Sài Gòn này, khi công chúng ồ ạt chuyển tay nhau ngón những loạt tiểu thuyết giật gân như loại truyện của Chu Tử, trong đó mô tả những tâm trạng rất sôi động, những phản ứng bất ngờ, phảng phất ý nghĩa tiếng nói của thẳm vọng tiềm thức, trang trí bằng mẫu mè cừ chỉ ngôn ngữ, giảng điệu « đợt sống mới »

Tóm lại, người ta coi phân

tâm học không những là một phương pháp y học, mà còn là một lá bùa vạn năng để dán vào nghệ thuật, tôn giáo và nhiều lãnh vực học thuật khác có khi dán đúng chỗ nhưng phần nhiều dán bậy bạ. Nó còn khuôn định thái độ của nhà giáo dục, nhà đạo đức. Nó hội đủ điều kiện để trở thành một nguồn cảm hứng siêu hình, một luồng gió triết lý. Chính là từ đây mà phát sinh hiểm họa. Hiểm họa không phải cho nền triết lý chính thức, vì hệ thống triết lý nào cũng được kết tạo bằng lối kết tập những tinh tiết tản mát và rải rác khắp muôn phương, xuất hiện dưới muôn vạn hình thái và màu sắc, nhưng cùng hướng về một chủ điểm như vậy. Nhưng hiểm họa chính ở cái cầu nối y học với triết lý và làm cho triết lý muốn mượn nhịp cầu ấy để chỉ huy y học, hiểm họa tương tự như hiểm họa mà y học đã phải trải qua trước đây, tức là thời kỳ trước khi ông tổ khoa học thực nghiệm Claude Bernard ra đời.

Bernard chống lại quan niệm triết lý chi phối sinh lý học thời ông (cho rằng nguyên do của hiện tượng sinh lý là một nguồn sinh lực có tính cách siêu hình) ông gác bỏ triết lý ra một bên, đặt nguyên tắc tất định : cùng nguyên nhân phải đem lại cùng kết quả. Bấy giờ những người say mê Freud muốn đi vào về xe thuở trước muốn đem luồn những sự kiện thần kinh bệnh học vào triết thuyết của họ. Đối với họ những bệnh thần kinh đều có nguyên nhân tâm lý, lý tưởng hay siêu hình. Cũng trong quan niệm này người ta liệt thắc mắc siêu hình của văn học vào cùng một loại với triệu trứng khác ngoài của thần kinh bệnh.

Đáng ra, với tinh thần khoa học thuần túy người ta phải nghiên cứu y học để tìm những sự kiện chứng minh cho triết thuyết của mình.

Thái độ trên đây làm cho người ta quên hẳn phương pháp quan sát và thực nghiệm, khuôn vàng thước ngọc của khoa học

ngày nay tuy trải qua nhiều thử thách mà vẫn còn giá trị.

Cái nhìn tổng quát để thấu triệt sự liên lạc giữa triết lý và học thuật, văn nghệ

Thái độ trở về với sự tìm hiểu bằng quan sát và thực nghiệm có nên cho là một thái độ duy vật chăng? Trên phương diện triết lý không nên cho đó là một thái độ gì cả, vì ngày nay những bộ óc suy luận có quân bình đều cho rằng sự đối lập duy tâm, duy vật chỉ là những thứ cạm bẫy, kết quả của sự suy diễn và quy nạp quá đáng, muốn quy tất cả về một mối cho tiện việc, đỡ phải đào sâu bối rộng mà thôi. Những khám phá của khoa tâm lý lý học (psycho-chimie) và căn não sinh lý (neuro-physiologie) đã chứng thực giá trị của quan sát và thực nghiệm, nó không làm hiển hiện sự chống đối duy tâm duy vật mà trái lại làm hiển hiện sự hữu hiệu của công việc tìm tòi trong cái nhìn tổng quát, tùy trường hợp phải căn cứ vào sự vật cụ thể hay vượt sự thật cụ thể mà suy diễn xa hơn.

Ngày nay khoa tâm lý học

phải đi từ những thực nghiệm cụ thể chứ không phải chỉ là công việc suy luận và kiến trúc bằng trí óc suông. Triết lý không kể đến những sở đắc của khoa học mà chỉ lý luận trừu tượng thì đó chỉ là triết lý phù phiếm. Trái lại nhà bác học chỉ biết có thực nghiệm và quan sát (duy vật) thì sẽ đi đến chỗ bế tắc, vì không phải nhờ lý trí, thông minh, suy luận, mà người ta có phát kiến. Phát kiến bắt nguồn từ một nguồn linh cảm, thần hứng, liên hệ đến cái gì huyền vi, uyên áo, siêu hình, cái thông minh của người ta chỉ dùng để phân tích, thực nghiệm kiểm soát và chứng xác lại mà thôi (đọc tiểu sử của họ ta sẽ thấy rõ).

Xem như vậy ta thấy nhà bác học sống với thực nghiệm và quan sát những hoạt động rõ ràng là duy vật, lại chỉ làm nên sự nghiệp bác học khi có nguồn cảm hứng siêu hình. Nhà triết lý suy luận bằng những sự kiện trừu tượng theo những cảm hứng siêu hình lại phải đi từ những căn cứ khoa học cụ thể. Đâu còn đường ranh giới phân chia sự vật ra làm hai thể giới riêng biệt tinh thần và vật chất, đã

âm ảnh con người từ xưa đến nay và gây nên biết bao tai họa !

Cách nhìn trên đây cũng có thể đúng với lãnh vực văn nghệ. Đã đến lúc cởi bỏ cho văn nghệ những cái nhìn gọi là duy tâm hay duy vật, đúng hơn, những hàng rào ý thức hệ bắt nguồn từ những quan niệm duy tâm duy vật, hay những mắt lưới của hệ thống triết lý nào khác, cả cách nhìn phân tâm học như trên đã nói muốn trở thành một khái niệm triết lý. Cái nhìn nghệ sĩ sẽ gò ép, bóp méo, kéo dài sự thật để luồn vào lý thuyết (hay ý thức hệ nhân sinh). Văn nghệ phẩm là một công trình sáng tạo, vậy thì cũng như sự sáng tạo của bác học hay bất cứ sự sáng tạo nào, phải là con đẻ của những phút xuất thần, linh cảm, liên hệ đến cái gì huyền diệu uyên áo, mà sự thật đời sống chỉ là những yếu tố thể hiện, cụ thể hóa và minh xác thần hứng của nghệ sĩ, triết gia, bác học gia mà thôi. Ta có cảm tưởng như vai trò của nghệ sĩ làm xuất hiện

tự chỗ hư không những sự thật mà nghệ sĩ linh cảm được trong phút xuất thần, chưa có hình tượng cụ thể, nhưng có sinh lực để sau này trở thành giá trị nhân sinh quan.

Xin dừng lại ở đây vì bài này chỉ giới hạn vấn đề văn nghệ trong phạm vi ảnh hưởng của Freud.

Sau cuộc mổ xẻ ông tổ phân tâm học này, chúng ta đã phân tích những sự thật và huyền tượng về Freud, chúng ta thấy ông còn lưu lại cho chúng ta cái gì ? Bậc thiên tài này đã lưu lại cho hậu thế một vài nét sáng tạo tượng trưng cho sự huyền diệu, uyên áo của giòng sông, đó là ý thức về cái tiềm thức với khả năng vô hạn của nó. Ý thức ấy đang qua một cuộc thử thách để trở thành những giá trị nhân sinh. Tìm hiểu ông, ta cũng tìm hiểu khái niệm sáng tạo, một khái niệm có thể đúng với văn nghệ cũng như đúng với bất cứ lãnh vực học thuật nào.

CÔ-LIÊU



ĐỊNH NGHĨA DÂN CHỦ

Trên bình-diện đạo-lý : dân-chủ đảm-bảo tự-do

Từ thuở ban sơ, trong một vài đô thị, dân chủ là một phương pháp dùng để cho một số đông người được tham gia vào việc quyết định và liệu lý những vấn đề có liên quan đến cuộc sống chung của tập thể. Đó là dân chủ hiểu theo nghĩa ban sơ. Còn dân chủ hiểu theo nghĩa hiện đại thì phát sinh từ các trào lưu giải phóng trí thức và tinh thần của Tây phương từ cuộc Văn nghệ Phục hưng cho tới cuộc Cách mệnh Pháp. Chủ nghĩa nhân bản và Tôn giáo cải cách thì tuyên bố người ta phải được tự do tín ngưỡng, chống lại quyền uy độc tôn của các giáo điều, trong khi chủ nghĩa duy lý theo học phái Descartes đặt vấn đề : hết mọi người đều có « lương tri » và « lương tri quân bình » cho hết mọi người. Do đấy, dân chủ được coi như một đòi hỏi của con người muốn cho đạo lý — cái nghĩa lý đương nhiên, ai cũng phải công nhận — được đảm bảo và thực hiện : con người vốn đã được tự do và bình đẳng thì phải có phương tiện để thực hiện tự do và bình đẳng ấy ; muốn được vậy, điều phải làm trước tiên là tiêu hủy nguyên tắc quân chủ, nguyên tắc phù trợ và hào hộ sự nô lệ cùng sự bất công. Từ *thần dân*, mỗi người trở nên công dân, danh từ xưa dùng để chỉ tư cách của một hạng người thượng lưu và nay dùng để chỉ tư cách của mọi người dân mới thuộc một xã hội đã được đổi mới, trong đó hết mọi phần tử đều trở nên anh em ruột thịt của một gia đình.

Có đọc lại bản văn của các nhà cách mạng như Danton Saint Just hay Robespierre, ta mới thấy rõ các nhà cách mệnh ấy ý thức rõ việc xây dựng một chế độ triệt để đổi mới thế nào. Các vị ấy chủ trương :

bây giờ không còn phải là lúc đặt ra vấn đề giao cho người nào quản trị, liệu lý việc nước, để nước được giàu, dân được mạnh nữa; vấn đề chính cần phải nêu ra là sự quản trị, liệu lý việc nước phải giao cho dân và chỉ dân mới có được quyền ấy, bởi lẽ việc nước là việc của dân. Dân tự định đoạt lấy và mưu cầu lấy, không cần phải ai làm trung gian cả. — Do đấy dân chủ phát hiện ra trước mắt thế giới như một tiếng sét và mọi người coi đó là một chế độ độc đáo đến quái dị, một chế độ khác hẳn với mọi chế độ khác, một chế độ mà các nhà cách mệnh coi là hợp cách nhất đối với con người đã ý thức được tự do của mình có cơ sinh hoạt thỏa mãn được. Việc chính trị không còn có nghĩa là việc hướng dẫn nhân dân theo một điều thiện, điều chính nào ở ngoài nhân dân nữa; điều thiện, điều chính đó phải ở trong nhân dân và chỉ trong nhân dân mới có được mà thôi. « Dân chủ là chế độ duy nhất mà mọi trật tự chính trị biết tôn trọng phẩm giá của con người tự do, đều phải lấy làm nền tảng để xây dựng ».



ĐỊNH NGHĨA DÂN CHỦ

Trên bình-diện pháp-lý : dân chủ phải từng phục pháp độ tối thượng

Chính thể dân chủ là chính thể của nhân dân, do nhân dân hành sử, vì vậy chính thể dân chủ có một mãnh lực và một quyền uy pháp lý tuyệt đối. Đối với một chính thể chuyên chế, kẻ đối lập chỉ đối lập với một quyền uy ở ngoài nhân dân ; trong chính thể dân chủ, kẻ đối lập đối lập ngay với chính mình vì kẻ ấy đã tạo tác nên chánh quyền của mình, của nhân dân. Do đấy, ta thấy khi một chính quyền chuyên chế lấy nguyên tắc dân chủ làm nền móng thì quyền uy của họ trở nên vô biên, không còn có giới hạn nào, nhất là khi nguyên tắc ấy được áp dụng một cách máy móc và không đảm bảo. Người cộng sản đã sử dụng nguyên tắc dân chủ một cách kinh khủng, khi họ đàn áp những phần tử đối lập với họ, họ bảo những kẻ đối lập với họ là những kẻ phạm một tội ác thậm vô lý và thái độ ấy làm cho phạm nhân trở nên mâu thuẫn với chính mình.

Tuy nhiên dân chủ có được quyền uy tuyệt đối như vậy không có nghĩa là dân chủ muốn làm gì cũng được, dân chủ phải tự đặt cho mình một giới hạn, bằng cách từng phục những quy tắc pháp lý tối thượng, đảm bảo những quyền tự do căn bản cho con người, cho con người giữ được trọn vẹn giá trị của con người, cho dân chủ có một giá trị nhân bản, và không khi nào vượt qua những quy tắc ấy, như ông G. Gurvitch nói : « Chế độ dân chủ không phải là một chế độ đa số chi phối, mà là một chế độ đa số pháp lý chi phối ». Đa số quản trị quốc gia, nhưng đa số không phải là nguồn gốc phát sinh ra pháp độ tối thượng. Từ nguyên tắc đa số cũng chỉ là một biểu hiện của quyền lực như mọi biểu hiện khác : đa số có thể

đồng hàng chục triệu, và có uy thế rất mạnh mà đa số vẫn có thể sai lầm.

Trong chế độ dân chủ, đa số chỉ là một phương tiện, được coi là thích đáng hơn hết để đảm bảo một chính thể công bình, hòa hảo, khôn ngoan, nhưng đa số sở dĩ nắm được guồng máy quản trị là cũng nhờ vào một pháp độ tối thượng vốn đã có sẵn từ trước khi có đa số và coi đa số là biểu hiệu quyền lợi của quốc gia tương đối chắc chắn hơn hết và ít độc đoán hơn hết. « Không phải số đông tạo nên pháp độ tối thượng mà chính pháp độ tối thượng làm cho quyền lợi của số đông giữ được ưu thế (trong nội bộ một cộng đồng, một tập thể). »

Bởi vậy, đa số, dù gần toàn số đến đâu chẳng nữa, cũng vẫn phải từng phục qui tắc pháp độ tối thượng do tiêu chuẩn của Hiến pháp ấn định, khi hành sử quyền hạn đã được toàn thể quốc dân giao phó trong một thời gian. Chỗ này chính là chỗ dị biệt giữa một chính thể dân chủ chân chính và một chính thể độc tài giả danh dân chủ (...)

(...) Câu nói dân chủ phải từng phục pháp độ tối thượng là câu nói gồm hai ý nghĩa. Ý nghĩa thứ nhất là quyền uy trong chế độ dân chủ thật sự không thể là quyền uy phát sinh do sự tàn bạo, hay sự ức chế, mà phải là quyền uy có một « chức vụ pháp lý », nghĩa là trở nên một lợi khí giúp cho quốc dân được dịp đối thoại với nhau một cách hợp tình, hợp lý, dung hòa được nhu cầu của thực tế chính trị với nguyên tắc đạo lý vốn là nền tảng của Hiến pháp. Ý nghĩa thứ hai, như chúng tôi đã nói trên, là dân chủ phải nhìn nhận có một pháp độ tối thượng bảo vệ nhân bản vị — Quyền của con người khiến cho người được toàn năng về mặt chính trị, chỉ chặn giữ con người ở cái mức lạm dụng hoặc xâm phạm tới những tự do căn bản bất khả xâm phạm, thậm chí

có thể đề con người được quyền khởi nghĩa chống lại một chính quyền khi chính quyền ấy phản bội pháp độ.

Do đây, khi nói dân chủ là một chế độ chính trị, thật chưa đúng hẳn, dân chủ thật ra là nỗ lực biểu hiện trật tự đạo lý, cơ bản pháp độ trong một chính thể; và cố nhiên trong phạm vi đó, có thể có những cơ quan hiến pháp được thiết lập nên đề trừ iệu việc thực hiện và điều hành nỗ lực ấy — Có những chế độ khác cũng tuyên bố tôn trọng những giá trị trên, song chế độ dân chủ không chỉ tuyên bố tôn trọng, mà còn cố gắng làm cho những giường mối giao tế trong xã hội, nhất là trong địa hạt pháp lý là nơi có đảm bảo chắc chắn nhất. Đó là điều cao cả của dân chủ, nhưng cũng là chỗ suy yếu của dân chủ.

HOÀNG-MINH-TUYNH
(biên khảo)



Kiểm duyệt số: 057 BTT ngày 17-2-1965

